

**BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18
NĂM 2013**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2014

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
I- THÔNG TIN CHUNG	1
1- Thông tin khái quát	1
2- Quá trình hình thành và phát triển	1-2
3- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
4- Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	2-4
5- Định hướng phát triển	4-6
6- Các rủi ro	6-7
II- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	7
1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2- Tổ chức nhân sự	8-11
3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	11-12
4- Tình hình tài chính	13-14
5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14-15
III- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	15
1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15-15
2- Tình hình tài chính	15-17
IV- ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	17
1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	17-18
2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty	18-18
3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	18-18
V- QUẢN TRỊ CÔNG TY	18
1- Hội đồng quản trị	18-22
2- Ban kiểm soát	22-23
3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban giám đốc	23-24
VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH	24-24
1- Ý kiến của kiểm toán	24-24
2- Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán gồm 35 trang đính kèm	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**
Năm báo cáo 2013

I. Thông tin chung

1- Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18 - (LILAMA 18 JSC)**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0300390921**
- Vốn điều lệ: **80.500.000.000** đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **80.500.000.000** đồng
- Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu - P Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Tp Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08.38298490 – 08.38217474
- Số fax: 08.38210853
- Website: www.lilama18.com.vn
- Mã cổ phiếu: **LM8**

2- Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

- ❖ Việc thành lập: Công ty cổ phần Lilama 18 tiền thân là Xí nghiệp Lắp máy 8 được thành lập theo Quyết định số 66/BXD-TCCB ngày 06/4/1977 của Bộ Xây dựng; Ngày 21/01/1982 được đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy 18 thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy (nay là Tổng công ty Lắp máy Việt Nam) theo Quyết định số 98/BXD-TCCB của Bộ Xây dựng; Ngày 27/01/1993 thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước: Xí nghiệp Lắp máy số 18 theo Quyết định số 005/BXD-TCLĐ của Bộ Xây dựng; Ngày 02/01/1996 được đổi tên doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy số 18 thành Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18 theo Quyết định số 05/BXD-TCLĐ của Bộ Xây dựng; Ngày 11/12/2006 Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18 được chuyển thành Công ty cổ phần Lilama 18 theo Quyết định số 1673/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.
- ❖ Ra đời từ năm 1977, Công ty cổ phần Lilama 18 là một trong những thành viên mạnh của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam. Sau 35 năm hình thành và không ngừng phát triển, Lilama 18 đã tạo được một chỗ đứng vững vàng trong ngành Lắp đặt và gia công chế tạo Thiết bị ở Việt Nam, được các đối tác trong và ngoài nước tin nhiệm qua bề dày kinh nghiệm, với uy tín và chất lượng cao sau hàng loạt các công trình đã hoàn thành trong các lĩnh vực sau: Xây lắp các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế điện, Lắp ráp máy móc thiết bị cho các công trình. Sản xuất và mua bán vật tư, đất đèn, que hàn, oxy, phụ tùng, cấu kiện kim loại cho xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng. Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (binh, bể, bồn, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn; giàn khoan dầu khí, cung cấp lắp đặt thiết bị và bảo trì thang máy. Mua bán vật tư, thiết bị (cơ, điện, nhiệt lạnh, vật liệu xây dựng, vật liệu bảo ôn, cách nhiệt) các dây chuyền công nghệ. Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường,

bến cảng, sân bay). Thí nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện, điều khiển tự động, kiểm tra mối hàn kim loại. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng đô thị, khu công nghiệp. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Kinh doanh bất động sản. kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).

- ❖ **Chuyển đổi sở hữu công ty:** Từ ngày 04/01/2007 Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18 chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, đổi tên thành Công ty cổ phần Lilama 18. (Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005862 ngày 04 tháng 01 năm 2007; số 0300390921 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 6 năm 2010).
- ❖ **Niêm yết:** Ngày 05 tháng 11 năm 2010 Công ty nhận được Quyết định số 237/2010/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu; Ngày 15 tháng 11 năm 2010 Công ty chính thức giao dịch **8.050.000** cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch **LM8**.

- Các sự kiện khác:

- ❖ Ngày 06 tháng 02 năm 2010 tại thành phố Hồ Chí Minh, công ty vinh dự đón nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 do tổ chức đảm bảo chất lượng Lloyd's Register Quality Assurance (LRQA) cấp. Để đạt được chứng chỉ ISO 9001:2008 Lilama 18 đã xây dựng và chuẩn hóa hệ thống các quy trình tác nghiệp được thực hiện thống nhất trong toàn công ty. Bên cạnh đó, việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm dịch vụ, Lilama 18 không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đo lường sự thỏa mãn của khách hàng đối với sản phẩm dịch vụ, đáp ứng đúng yêu cầu về cải tiến của ISO 9001:2008. Sau khi nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 trong hoạt động quản lý chất lượng, Lilama 18 sẽ tiếp tục mở rộng phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sang các lĩnh vực hoạt động khác. Từ đó, Lilama 18 tạo động lực để phát triển ngày càng lớn mạnh và bền vững.
- ❖ Ngoài ra công ty còn nhận được các chứng chỉ: U; U2; S của tổ chức Hiệp hội kỹ sư cơ khí Hoa Kỳ (ASME) cấp ngày 26/10/2010 và các chứng chỉ như: NB; R của tổ chức National Board cấp trong tháng 10 năm 2010. Các chứng chỉ này là sự bảo đảm cho công việc: Gia công, chế tạo thiết bị cơ khí, sửa chữa thiết bị và xuất khẩu thiết bị chịu áp lực cao.

3- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Lắp đặt thiết bị, gia công chế tạo và bảo trì bảo dưỡng thiết bị.
- Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh thành trong nước và Quốc tế.

4- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần Lilama 18 thực hiện mô hình quản trị của một công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán bao gồm:

- ❖ Đại hội đồng cổ đông công ty;
- ❖ Hội đồng quản trị;
- ❖ Ban kiểm soát;
- ❖ Ban tổng giám đốc;
- ❖ Các cán bộ quản lý.

b- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty cổ phần Lilama 18 đến ngày 31/12/2013 gồm: Ban Tổng giám đốc; 08 phòng ban; 04 chi nhánh và 07 Đội công trình trực thuộc cụ thể như sau:

- ❖ Ban tổng giám đốc;
- ❖ Phòng Tổ chức - Hành chính;
- ❖ Phòng Kinh tế - Kỹ thuật;
- ❖ Phòng Tài chính - Kế toán;
- ❖ Phòng Cung ứng - Vật tư;
- ❖ Phòng Quản lý máy;
- ❖ Ban Quản lý chất lượng;
- ❖ Ban Quản lý dự án;
- ❖ Ban An toàn lao động và phòng chống cháy nổ.
- ❖ Chi nhánh tại Vũng Tàu;
- ❖ Chi nhánh tại Bình Dương;
- ❖ Chi nhánh tại Kiên Giang;
- ❖ Chi nhánh tại Cambodia;
- ❖ 07 Đội công trình trực thuộc.

- Các công ty con, công ty liên kết:

+) Danh sách các công ty liên kết:

Đơn vị: Ngân đồng

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Nghành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Lilama 18
1	Công ty TNHH kết cấu thép toàn cầu Vina-Japan	Số 26 VSIP II đường số 7-KCN Việt Nam – Singapore II, khu liên hợp công nghiệp – Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các loại kết cấu thép dùng trong xây dựng, sản xuất các loại nguyên liệu kết hợp dùng trong xây dựng.	50.236.500	15%
2	Công ty cổ phần chế tạo giàn khoan dầu khí (PV Shipyard)	65A2 Đường 30/4, phường Thảng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -	Tư vấn thiết kế, quản lý dự án xây dựng công trình biển – dầu khí, lắp đặt thiết bị dầu khí, hệ thống điện và tự	594.897.870	3,02%

		Vũng Tàu	động công trình dầu khí. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác dầu, khí đốt và tuyến ống dẫn khí, dầu,..., cho thuê phương tiện, vận chuyển, nâng hạ, cầu các loại.		
--	--	----------	---	--	--

5- Định hướng phát triển:

a- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nhận định chung: Kinh tế thế giới đã khởi sắc, nhưng đà tốc độ phục hồi vẫn còn chậm và ở mức thấp. Vì vậy, khả năng thu hút vốn để thực hiện các dự án tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

Sau quá trình tái cấu trúc, nhiều doanh nghiệp sẽ bị đào thải, nhưng cũng sẽ xuất hiện nhiều doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ. Cuộc cạnh tranh thị phần đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước sẽ tiếp tục diễn ra ngày càng gay gắt và quyết liệt.

Vấn đề nguồn nhân lực, tài chính và máy móc thiết bị thi công vẫn là rào cản rất lớn đối với quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Lilama 18.

- **Mục tiêu:** Kiên trì thực hiện các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2012-2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua, đó là:
- ❖ **Mục tiêu tổng quát:** Lấy mục tiêu ổn định làm gốc để phát triển công ty; Tăng cường quản trị doanh nghiệp để đạt được sự phát triển bền vững.
- ❖ **Mục tiêu cụ thể:**
 - Mục tiêu thị trường, sản phẩm: Duy trì thị trường truyền thống Gia công, chế tạo cung cấp dịch vụ Lắp đặt thiết bị và bảo trì bảo dưỡng thiết bị là chủ yếu, chủ động nghiên cứu và chiếm lĩnh một số thị trường mới.
 - Mục tiêu Tài chính: Phát triển huy động vốn cổ phần, đảm bảo mức lợi nhuận để tái đầu tư và phát triển, có mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để đảm bảo thu xếp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư phát triển.
 - Mục tiêu con người: Con người luôn là chìa khóa cho mọi cánh cửa phát triển và thành công. Do đó, mục tiêu về con người ngoài đào tạo quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cần phải giáo dục phẩm chất, đạo đức trong kinh doanh, có tâm huyết và trung thành với công ty.
 - Mục tiêu về đấu thầu: Tùy đặc điểm cụ thể của từng gói thầu mà đẩy mạnh chiến lược theo hướng ưu thế về giá, ưu thế về công nghệ, ưu thế về tài chính hay ưu thế về thương hiệu đã có của doanh nghiệp.
 - Sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực của công ty.
 - Nâng cao giá trị của công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông cũng như thu nhập của người lao động trong công ty được tăng trưởng hàng năm.

- Sản phẩm của công ty luôn được khách hàng tin tưởng và tin nhiệm ngày càng cao.

b- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt được mục tiêu đã đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả;
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư thành lập thêm các chi nhánh tại các vùng miền khác nhau đặc biệt là các tỉnh phía Bắc nhằm tận dụng các lợi thế cơ sở hạ tầng như mặt bằng, máy móc thiết bị, văn phòng tạm của các dự án mà công ty đang thực hiện nhằm giảm thiểu chi phí đầu tư tăng lợi nhuận để thúc đẩy phát triển.
- Về thị trường: Duy trì và phát huy hiệu quả các thị trường truyền thống như điện, xi măng, dầu khí, hóa chất, các sản phẩm đầu vào khác. Triệt để thực hiện quan điểm: Không phân biệt dự án lớn hay nhỏ, thuận lợi hay khó khăn, đơn giản hay phức tạp miễn có việc làm, có doanh thu và có lợi nhuận;
- Về sản phẩm: Kiên trì thực hiện các sản phẩm thế mạnh của Lilama 18, kiểm soát chặt chẽ công tác giao khoán sản phẩm nhằm tập trung nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao chi phí, tăng giá trị hàm lượng chất xám trong sản phẩm ngày càng cao.
- Về tài chính: Tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của Pháp luật về công tác quản lý tài chính, phát huy dòng tiền một cách hợp lý, đa dạng hóa phương án huy động vốn: Bảo lãnh, tín chấp, thế chấp tài sản, ...; Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí đầu tư; phối hợp đồng bộ trong công tác thi công, nghiệm thu, thu hồi vốn nhằm tăng vòng quay đồng vốn giảm thiểu vốn vay các tổ chức tín dụng để tăng lợi nhuận cho công ty.
- Về đấu thầu: Luôn tôn trọng các yêu cầu của khách hàng, củng cố niềm tin vững chắc đối với khách hàng thông qua việc thực hiện tốt các thảo luận giữa khách hàng với công ty. Tối ưu hóa các lợi thế về thương hiệu, trình độ điều hành quản lý, nhà xưởng máy móc thiết bị thi công, nguồn nhân lực có tay nghề cao và tiềm lực tài chính hiện có vào quá trình báo giá đấu thầu. Nắm bắt xử lý linh hoạt kịp thời và chính xác các thông tin liên quan đến công tác báo giá đấu thầu đảm bảo đạt hiệu quả trúng thầu cao nhất.
- Về nhân lực: Làm tốt công tác lập kế hoạch nguồn nhân lực cho từng giai đoạn, từng dự án; thực hiện tốt công tác tuyển dụng đào tạo, bố trí sử dụng và đãi ngộ đối với từng chức danh, vị trí, từng ngành nghề, từng công việc; phân phối thành quả lao động phù hợp với công sức đóng góp của mỗi thành viên trong quá trình quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh, nhằm giữ chân đội ngũ quản lý và lao động giỏi hiện có đồng thời thu hút được nhiều hiền tài đến với công ty. Thực hiện nghiêm túc việc khoán sản phẩm tới tổ sản xuất nhằm tối đa khả năng sáng tạo trong lao động sản xuất của cán bộ công nhân viên, kích thích tinh thần làm việc tích cực và nâng cao trình độ quản lý điều hành sản xuất của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

c- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Phần đầu để trở thành một trong những công ty hàng đầu của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam về: Lắp đặt thiết bị cơ và điện; gia công chế tạo thiết bị cơ khí; Bảo trì bảo dưỡng các nhà máy.
- Mang đến cho khách hàng sự trân trọng của tình nghĩa bạn bè qua việc thực hiện những cam kết trong kinh doanh.
- Tôn trọng và hợp tác với đối tác với tiêu chí đôi bên cùng có lợi.
- Chăm sóc và đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng.
- Trung thực và giữ lời hứa với khách hàng và cộng sự.
- Trách nhiệm, hỗ trợ và cởi mở trong quan hệ với đồng nghiệp.
- Lấy hiệu quả của công việc làm thước đo trong mọi hoạt động.
- Lilama 18 cam kết cung cấp dịch vụ gia công, chế tạo lắp đặt sản phẩm chất lượng tốt nhất thông qua việc đảm bảo quy trình phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn cao và ứng dụng công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm có thời gian sử dụng lâu dài.
- Lilama 18 thông qua việc luôn lắng nghe ý kiến của khách hàng, tăng cường năng lực của ban lãnh đạo và nhân viên, đẩy mạnh mối quan hệ chiến lược với khách hàng để mang đến sự phát triển bền vững cho công ty, cho cổ đông và người lao động trong toàn công ty.

6- Các rủi ro:

a- Rủi ro về mặt pháp luật:

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần, trở thành công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên Thị trường Chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định liên quan đến đất đai môi trường,...,vv. Trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước có thay đổi liên quan đến ngành Xây - Lắp nói chung cũng như việc triển khai hướng dẫn các thay đổi chế độ chính sách của các cơ quan chức năng không kịp thời đều ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

b- Rủi ro đặc thù ngành:

Đặc thù hoạt động của ngành Xây - Lắp nói chung là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần theo giai đoạn. Hơn nữa lĩnh vực Lắp đặt thiết bị rất phức tạp, điều kiện làm việc ngoài trời chịu sự tác động ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như Lắp đặt các nhà máy Nhiệt điện, nhà máy xi măng, các giàn khoan ngoài biển..., Ngành Lắp máy thực hiện phải mất chi phí cao và chịu nhiều rủi ro hình thành từ điều kiện tự nhiên. Bên cạnh đó, quá trình thi công các công trình còn phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp thiết bị của chủ đầu tư, việc bàn giao mặt bằng của đơn vị xây dựng làm kéo giãn tiến độ của hợp đồng cũng như tăng chi phí của doanh nghiệp.

Điều kiện thi công ngoài trời, vừa thi công trên cao nên có nhiều nguy cơ xảy ra các tai nạn và sự cố trong lắp đặt. Là ngành đặc thù có nhiều lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm. Để hạn chế các rủi ro trong thi công, công ty quan tâm đặc biệt tới chế độ trang bị an toàn và bảo hộ lao động, đáp ứng đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện việc lập đầy đủ các phương án, biện pháp kỹ thuật an toàn trước lúc triển khai thi công. Đồng thời tổ chức cán giám sát kỹ thuật an toàn đầy đủ và thực hiện tốt mạng lưới an toàn có hệ thống nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất về sự cố hoặc tai

nạn lao động xảy ra khi thi công. Để hạn chế rủi ro trong quá trình thi công công ty thực hiện mua bảo hiểm cho từng công trình cũng như từng xe máy, thiết bị thi công.

Trên cơ sở của tiến độ thi công công trình của từng công trình, của từng hợp đồng nhận thầu xây lắp và mức độ trọng yếu của từng công trình để lựa chọn thời gian mua vật tư, nguyên liệu phục vụ thi công theo thời gian do giá cả biến động, hạn chế tối đa hàng tồn kho dự trữ chờ thi công dài ngày, tăng cường công tác tiết kiệm, hạn chế tối thiểu hao hụt vật tư, nguyên nhiên liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển.

Thời gian quyết toán, thu hồi vốn các công trình xây - lắp đã hoàn thành thường bị kéo dài cũng tác động rất lớn tới hiệu sản xuất kinh doanh của công ty. Để giảm bớt rủi ro này, công ty thường xuyên đôn đốc khách hàng thanh toán đúng hạn đối với các hợp đồng nhận thầu xây - lắp đã hoàn thành.

c- Rủi ro về thị trường: Nước ta gia nhập tổ chức thương mại Quốc tế WTO sẽ tạo ra nhiều cơ hội cũng như nhiều thách thức đòi hỏi ngành Lắp máy trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển phải phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ Quốc tế.

Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh gay gắt cho tất cả các doanh nghiệp hiện đang hoạt động trong lĩnh vực xây - lắp nói chung và ngành Lắp máy nói riêng. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh và phương pháp quản lý khoa học sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp trong nước.

d- Rủi ro khác: Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như làm chậm tiến độ, gây thiệt hại đến các công trình, hạng mục công trình đang thi công.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	So sánh (%)	
				TH-2013/ TH-2012	TH2013/ KH2013
1- Tổng doanh thu	1.111.084	702.400	1.307.388	117,68%	186,13%
2- Lợi nhuận thực hiện trước thuế	52.012	31.500	54.687	105,14%	173,61%

Năm 2013 là một năm đầy khó khăn đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhưng với một định hướng kinh doanh đúng đắn và rõ ràng, công ty đã chủ động vượt qua trở ngại, giữ vững được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cũng như thu nhập cho người lao động, cố gắng cho nhà đầu tư đúng kế hoạch cũng như thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

Cụ thể, Tổng doanh thu và lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra lần lượt là: 86,13% và 73,96%. Doanh thu và lợi nhuận năm 2013 tăng hơn so với năm 2012 lần lượt là: 17,68% và 5,14%. Với các nguyên nhân chủ yếu như sau:

Công tác nghiệm thu, quyết toán, thanh toán và thu hồi vốn tốt dẫn đến giảm chi phí lãi vay.

Chi phí lãi vay trực tiếp giảm: 12,52% so với năm 2012 (26,4 tỷ so với 30,2 tỷ)

Lợi nhuận khác tăng 3,6 tỷ so với năm 2012 (12,5 tỷ so với 8,9 tỷ).

2- Tổ chức và nhân sự:

a- Danh sách Ban điều hành:

TT	Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1	<p>Ông Lê Quốc Ân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi sinh: - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn: - Chức vụ công tác tại công ty: - Chức vụ công tác tại tổ chức khác: - Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu + Đại diện phần vốn nhà nước + Cá nhân 	<p>Nam</p> <p>29-07-1970</p> <p>Quảng Trị</p> <p>Việt Nam</p> <p>Kỹ sư kỹ thuật nhiệt và máy lạnh</p> <p>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc</p> <p>Không</p> <p>1.718.857 CP, chiếm 21,352% VĐL</p> <p>1.690.500 CP, chiếm 21,000% VĐL</p> <p>28.357 CP, chiếm 0,352% VĐL</p>
2	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Trần Sỹ Quỳnh - Giới tính: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi sinh: - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn: - Chức vụ công tác tại công ty: - Chức vụ công tác tại tổ chức khác: - Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu + Đại diện phần vốn nhà nước + Cá nhân 	<p>Nam</p> <p>04/12/1974</p> <p>Thái Nguyên</p> <p>Việt Nam</p> <p>Kỹ sư điện</p> <p>Phó tổng giám đốc - Thành viên HĐQT</p> <p>Không</p> <p>1.228.863 CP, chiếm 15,265% VĐL</p> <p>1.207.500 CP, chiếm 15,000% VĐL</p> <p>21.363 CP, chiếm 0,265% VĐL</p>
3	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Phạm Văn Vân - Giới tính: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi sinh: - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn: - Chức vụ công tác tại công ty: - Chức vụ công tác tại tổ chức khác: - Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu 	<p>Nam</p> <p>04/09/1957</p> <p>Nghệ An</p> <p>Việt Nam</p> <p>Cử nhân luật</p> <p>Phó tổng giám đốc - Thành viên HĐQT</p> <p>Không</p> <p>20.635 CP, chiếm 0,256% VĐL</p>

TT	Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
4	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Vũ Minh Tuấn - Giới tính: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi sinh: - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn: - Chức vụ công tác tại công ty: - Chức vụ công tác tại tổ chức khác: - Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu 	<ul style="list-style-type: none"> Nam 04/12/1954 Nam Định Việt Nam Kỹ sư cơ khí chế tạo máy Phó tổng giám đốc Không 6.789 CP, chiếm 0,084% VDL
5	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Đặng Quốc Anh - Giới tính: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi sinh: - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn: - Chức vụ công tác tại công ty: - Chức vụ công tác tại tổ chức khác: - Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu 	<ul style="list-style-type: none"> Nam 01/12/1955 Quảng Bình Việt Nam Kỹ sư cơ khí chế tạo máy Phó tổng giám đốc HĐTV Cty TNHH KCT Toàn Cầu 17.250 CP, chiếm 0,214% VDL
6	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Phan Văn Nam - Giới tính: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi sinh: - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn: - Chức vụ công tác tại công ty: - Chức vụ công tác tại tổ chức khác: - Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu 	<ul style="list-style-type: none"> Nam 13/10/1964 Hà Tĩnh Việt Nam Kỹ sư công nghệ hàn Phó tổng giám đốc Không 3.623 CP, chiếm 0,045% VDL
7	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Ngô Văn Phùng - Giới tính: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi sinh: - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn: - Chức vụ công tác tại công ty: - Chức vụ công tác tại tổ chức khác: - Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu 	<ul style="list-style-type: none"> Nam 14/02/1964 Nghệ An Việt Nam Cử nhân Tài chính - Kế toán Phó tổng giám đốc Không 36.852 CP, chiếm 0,458% VDL

TT	Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
8	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Trần Văn Tiến - Giới tính: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi sinh: - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn: - Chức vụ công tác tại công ty: - Chức vụ công tác tại tổ chức khác: - Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu 	<ul style="list-style-type: none"> Nam 28/01/1967 Vĩnh Phúc Việt Nam Kỹ sư cơ khí chế tạo máy Phó tổng giám đốc Không 20.758 CP, chiếm 0,2578% VĐL
9	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Nguyễn Duy Lợi - Giới tính: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi sinh: - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn: - Chức vụ công tác tại công ty: - Chức vụ công tác tại tổ chức khác: - Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu 	<ul style="list-style-type: none"> Nam 28/12/1972 Đà Nẵng Việt Nam Kỹ sư nhiệt kỹ thuật và máy lạnh Phó tổng giám đốc Giám đốc BQLDA n/m điện Vũng Áng 6.903 CP, chiếm 0,085% VĐL
10	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Trần Quốc Toàn - Giới tính: - Ngày tháng năm sinh: - Nơi sinh: - Quốc tịch - Trình độ chuyên môn: - Chức vụ công tác tại công ty: - Chức vụ công tác tại tổ chức khác: - Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu + Đại diện phần vốn nhà nước + Cá nhân 	<ul style="list-style-type: none"> Nam 23/04/1975 Lạng Sơn Việt Nam Cử nhân Tài chính - Tín dụng Kế toán trưởng - Thành viên HĐQT Không 1.262.630 CP, chiếm 15,685% VĐL 1.207.500 CP, chiếm 15,000% VĐL 55.130, chiếm 0,685% VĐL

b- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2013 có sự thay đổi như sau:

- Miễn nhiệm 01 chức danh Phó tổng giám đốc công ty đối với ông: Đặng Bá Cường kể từ ngày 20/4/2013.
- Bổ nhiệm 01 chức danh Phó tổng giám đốc công ty đối với ông Phạm Văn Vân kể từ ngày 01/6/2013.

c- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

➤ Tình hình lao động: Số lao động đến ngày 31/12/2013

TT	Diễn giải	Năm 2012	Năm 2013	Tăng - giảm
1	Lao động phổ thông	55	117	+112,72%
2	Công nhân kỹ thuật	2.154	3.149	+46,19%
3	Trung cấp	0	33	-
3	Cao đẳng	580	15	-97,41%
4	Đại học	311	382	+22,83%
5	Trên đại học	02	02	0
	Tổng cộng	3.102	3.698	19,21%

➤ Chính sách người lao động:

- Thu nhập của bình quân của người lao động:

Diễn giải	Năm 2012	Năm 2013	Tăng - giảm
Tổng số lao động bình quân	3.102	3.698	19,21%
Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)	5.986.042	6.808.126	13,73%

- Thu nhập bình quân của người lao động năm 2013 đạt 6.808.126 đồng/ng/tháng tăng hơn năm trước 13,73%.
- Công ty đã áp dụng quy chế tiền lương để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động nhằm đem lại thu nhập ngày càng cao hơn. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian quy định mỗi tháng trả lương 1 kỳ vào thời gian từ ngày 5 đến ngày 10 của tháng tiếp theo.
- Các chính sách bổ sung tiền lương nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua lao động sản xuất, tiền ăn ca cho người lao động được công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động yên tâm công tác.
- Các chế độ về chính sách về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được công ty thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các trang thiết bị an toàn và bảo hộ lao động cũng như đào tạo hướng dẫn về an toàn lao động được công ty đáp ứng đầy đủ cho người lao động.

3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a- Các khoản đầu tư lớn: Nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2013 và chiến lược phát triển của Lilama 18 những năm tiếp theo. Trong năm 2013, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã phê duyệt tổng mức đầu tư là: **100.000.000.000** đồng, trong đó:

Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công: 50.000.000.000 đồng

Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc: 50.000.000.000 đồng.

Và trong năm 2013 Công ty đã thực hiện việc đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công trong năm là: 45.961.138.561 đồng. Chưa thực hiện việc đầu tư xây dựng văn phòng làm việc vì điều kiện khách quan chưa thuận lợi.

b- Các công ty liên kết: Công ty có 02 công ty liên kết:

+) **Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính của Công ty TNHH Kết cấu thép Toàn Cầu Vina – Japan:** Công ty TNHH Kết cấu thép Toàn Cầu Vina – Japan hoạt động với ngành nghề: Sản xuất và gia công sản xuất các loại kết cấu thép dùng trong xây dựng. Thời gian hoạt động 47 năm kể từ năm 2008. Vốn điều lệ 3.130.000 Đô la Mỹ; tương đương 50.236.500.000 VNĐ, trong đó Lilama 18 góp 15% vốn điều lệ. Tình hình tài chính:

Đơn vị: Ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	81.069.883	61.909.349	-23,63%
Doanh thu thuần	91.811.213	38.973.760	-57,55%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-5.408.193	-14.418.592	-166,60%
Lợi nhuận khác	1.228.998	83.902	-93,17%
Lợi nhuận trước thuế	-4.179.195	-14.334.690	-243,00%
Lợi nhuận sau thuế	-4.179.195	-14.334.690	-243,00%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

Để đảm bảo an toàn tài chính của phần vốn góp tại Công ty TNHH Kết cấu thép Toàn Cầu Vina - Japan, Công ty đã lập dự phòng vào chi phí đến 31/12/2013 là: 3.782.858.705 đồng; Công ty đang có phương án thoái vốn tại Công ty TNHH Kết cấu thép Toàn Cầu Vina – Japan lộ trình đến hết niên độ 2016.

+) **Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan dầu khí (PV Shipyard):** Công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan dầu khí hoạt động với ngành nghề chính là: Đóng mới, sửa chữa, hoàn cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan. Thời gian hoạt động là 50 năm kể từ năm 2007. Vốn điều lệ là: 594.897.870.000 đồng, trong đó Lilama 18 góp vốn là 18.000.000.000 đồng tương ứng với 3,03% vốn điều lệ. Tình hình tài chính

Đơn vị: Ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.674.323.781	1.879.098.482	12,23%
Doanh thu thuần	833.377.741	265.633.986	-68,12%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.640.599	-79.526.443	-72,78%
Lợi nhuận khác	7.899.420	-126.872.465	-93,77%
Lợi nhuận trước thuế	29.330.190	-206.398.909	-85,79%
Lợi nhuận sau thuế	22.470.614	-209.135.193	-89,25%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	132,37%	0	-

Trong năm 2013 công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan dầu khí gặp nhiều khó khăn trong trong sản xuất kinh doanh từ nhiều lý do khách quan và là ngành sản xuất sản phẩm đặc thù, kết quả sản xuất kinh doanh đạt thấp so với kế hoạch đề ra. Theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 dự kiến chia cổ tức là 5%,

nhưng trong năm 2013 công ty vẫn gặp khó khăn do không có việc làm, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 về tổng doanh thu chỉ đạt 285,32 tỷ đồng, lợi nhuận âm 209,13 tỷ đồng. Công ty đã trích lập dự phòng vào chi phí đến 31/12/2013 là 5.954.679.560 đồng. Tuy nhiên đến năm 2014 thì công ty đã ký được Hợp đồng giao nhận thầu với giá trị lớn và thời gian thi công gần 3 năm, đây cũng là triển vọng phát triển của công ty. Tuy nhiên Công ty cổ phần Lilama 18 cũng đang có kế hoạch thoái vốn tại Công ty chế tạo dàn khoan dầu khí lộ trình đến hết niên độ 2016.

4- Tình hình tài chính

a- Tình hình tài chính:

Đơn vị: Ngân đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.096.221.110	1.293.527.792	18,00%
Doanh thu thuần	1.084.133.985	1.277.116.721	17,80%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.112.599	42.120.841	-2,30%
Lợi nhuận khác	8.899.723	12.566.109	41,19%
Lợi nhuận trước thuế	52.012.323	54.686.950	5,14%
Lợi nhuận sau thuế	39.852.532	41.107.790	3,14%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	31,18%	29,37%	-5,80%

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức năm 2012 chi trả là 15%/vốn điều lệ chiếm 31,18% lợi nhuận sau thuế. Cổ tức năm 2013 kế hoạch là 15%/vốn điều lệ và đã chi trả trong tháng 01 năm 2014 là 15%/vốn điều lệ chiếm 29,37% lợi nhuận sau thuế.

a- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,15	1,07	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	0,53	0,48	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	85,57	85,83	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	5,93	6,05	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán	1,72 Lần	2,11 Lần	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,989	0,987	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,67%	3,22%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	25,20%	21,74%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,63%	3,18%	
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	3,97%	3,30%	

5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a- Cổ phần tại ngày 31/12/2012:

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.050.000 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu phổ thông: 8.050.000 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu ưu đãi, khác: Không
 - + Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 8.050.000 cổ phiếu
 - + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: Không
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

b- Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt ngày 19-3-2014

TT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Trong nước		7.714.740	95,8353%
1	Nhà nước	01	4.105.500	51,000%
2	Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.	14	246.762	3,0653%
3	Cá nhân	983	3.031.040	37,652%
4	Tổ chức	08	331.438	4,118%
II	Nước ngoài		335.260	4,1647%
1	Cá nhân	11	330.910	4,1106%
2	Tổ chức	01	4.350	0,0541%
	Tổng cộng	1.018	8.050.000	100,00%

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

TT	Loại hình cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công Ty Lắp máy Việt Nam (cổ đông nhà nước)	Số 124 Minh Khai Hai Bà Trưng - Hà Nội	4.105.500	51,000%
	Tổng cộng		4.105.500	51,000%

b- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi.

c- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

d- Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	So sánh (%)	
				TH-2013/ TH-2012	TH2013/ KH2013
1- Tổng doanh thu	1.11.084	702.400	1.307.388	117,68%	186,13%
2- Lợi nhuận thực hiện trước thuế	52.012	31.500	54.687	105,14%	173,61%

Năm 2013 là một năm đầy khó khăn đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhưng với một định hướng kinh doanh đúng đắn và rõ ràng, công ty đã chủ động vượt qua trở ngại, giữ vững được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cũng như thu nhập cho người lao động, cố gắng cho nhà đầu tư đúng kế hoạch cũng như thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước. Tổng doanh thu và lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra lần lượt là: 86,13% và 73,61%. Doanh thu và lợi nhuận năm 2013 tăng hơn so với năm 2012 lần lượt là: 17,68% và 5,14%. Với các nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Công tác nghiệm thu, quyết toán, thanh toán và thu hồi vốn tốt dẫn đến giảm chi phí lãi vay.
- Chi phí lãi vay trực tiếp giảm: 12,51% so với năm 2012 (26,46 tỷ so với 30,24 tỷ)
- Chênh lệch TG đã thực hiện giảm: 42,85% so với năm 2012 (2,4 tỷ so với 4,2 tỷ)
- Chi phí QLDN giảm 4,50% so với năm 2012 (41,4 tỷ so với 43,1 tỷ)
- Lợi nhuận khác tăng 3,67 tỷ so với năm 2012 (12,56 tỷ so với 8,89 tỷ).

2- Tình hình tài chính:

a- Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.085.733	936.936	148.797	15,88%
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	207.747	135.594	72.152	53,21%
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	245.853	271.288	-25.436	-9,37%
3- Hàng tồn kho	599.487	502.047	97.440	19,4%
4- Tài sản ngắn hạn khác	32.644	28.004	4.641	16,57%
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	207.794	159.285	48.509	30,45%
1- Tài sản cố định	138.223	42.850	42.850	44,93%

2- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15.797	23.358	-7.560	-32,36%
3- Tài sản dài hạn khác	53.773	40.554	13.219	32,59%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.293.527	1.096.221	197.306	18,00%

- Tổng tài sản cuối năm so với đầu tăng 18,00% chủ yếu là do tăng tài sản lưu động cụ thể: Tiền mặt tăng 72,152 tỷ do khách hàng thanh toán nợ cho công ty; khoản phải thu giảm 25,436 tỷ việc thu hồi công nợ trong năm của công ty đạt hiệu quả tốt;

- Hàng tồn kho tăng 97,44 tỷ do trong năm sản lượng thực hiện tăng nên hàng tồn kho tăng và chủ yếu là chi phí sản xuất dở dang tăng; tài sản ngắn hạn tăng 4,641 tỷ do tạm ứng mua vật tư cho các khách hàng.

- Tài sản dài hạn tăng 30,45% do mua sắm tài sản cố định tăng 42,85 tỷ để đảm bảo nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2013 (doanh thu tăng 17,68% so với năm 2012) và để phục vụ cho các năm tiếp theo đây là những tín hiệu tốt trong hoạt động SXKD của công ty. Khoản đầu tư tài chính giảm 7,56 tỷ do công ty lập dự phòng giảm giá của khoản đầu tư dài hạn; tài sản dài hạn khác tăng 13,219 tỷ do tăng chi phí chờ phân bổ công cụ dụng hình thành từ TSCĐ không đủ điều kiện và khoản ký quỹ ký cược mua tài sản cố định bằng hình thức thuê mua tài chính.

c- Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A- NỢ PHẢI TRẢ	1.110.263	938.118	172.145	18,35%
1- Nợ ngắn hạn	1.013.758	810.877	202.881	25,02%
2- Nợ dài hạn	96.505	127.241	-30.736	-24,15%
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	183.264	158.103	25.161	15,91%
1- Vốn chủ sở hữu	183.264	158.103	25.161	15,91%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.293.527	1.096.221	197.306	18,00%

- Nợ phải trả của công ty cuối năm tăng 172,145 tỷ tương đương 18,35% tương ứng với việc tài sản lưu động giảm vốn chủ sở hữu tăng.

- Cơ cấu nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu so với năm trước cụ thể năm trước: Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm 2012 là 5,93 lần năm nay Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 6,05 lần. Khoản nợ phải trả chủ yếu là khoản nợ khách hàng ứng trước 249,451 tỷ chiếm 24,60% trong tổng nợ phải trả đây cũng là yếu tố thuận lợi cho vấn đề giảm chi phí lãi vay tăng lợi nhuận cho công ty, Khoản nợ vay các Ngân hàng thương mại 458,316 tỷ chiếm 45,20% trong tổng nợ phải trả, với doanh thu hoạt động SXKD năm 2013 đạt 1.277,116 tỷ đồng đây cũng là một chỉ tiêu tài chính tương đối tốt. Tuy nhiên để giảm thiểu rủi ro do phải phụ thuộc và nguồn vốn vay từ các Ngân hàng công ty cần phải tích cực hơn nữa trong công tác thu hồi vốn; tiếp tục tích lũy bổ sung thêm nguồn vốn chủ sở hữu dưới hình thức tích lũy một phần lợi nhuận để đầu tư phát triển, vận dụng triệt để các nguồn vốn khác như ứng trước khách hàng, phát hành thêm chứng khoán (cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi,...) nhằm đảm bảo an toàn và chủ động nguồn vốn hơn cho việc ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của công ty năm nay 1,07 lần giảm hơn so với năm 2012 (năm 2012 là 1,15 lần), cho thấy mức độ an

toàn đối với hoạt động của công ty. Tuy nhiên hiện nay các khoản nợ của công ty luôn được thanh toán đúng kỳ hạn.

- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên/ vốn chủ sở hữu năm 2013 là 21,74% giảm so với năm trước 25,20% do vốn chủ sở hữu của công ty năm 2013 đã tăng 15,91% so với năm trước.

- Trong năm 2013, công ty không có các khoản nợ phải trả xấu nào và không bị ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

d- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như: Đào tạo, tuyển dụng, tạo nguồn nhân lực đủ để bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận từ tổ đội sản xuất đến các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ tại văn phòng công ty.

- Tiếp tục duy trì, bổ sung hoàn thiện, cập nhật và nâng cấp hệ thống ISO để phục vụ tốt cho quản lý, điều hành sản xuất.

e- Kế hoạch phát triển trong tương lai: Công ty đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu chủ yếu cũng như thực hiện chiến lược phát triển trung và dài hạn là:

- Giải pháp thị trường: Duy trì và phát huy hiệu quả các thị trường truyền thống như: Điện, xi măng, dầu khí, hóa chất, giấy,...vv. Tận dụng lợi thế về cơ sở hạ tầng đã đầu tư như nhà ở, mặt bằng máy móc thi công, văn phòng làm việc ở các dự án Lilama 18 đang thực hiện ở khu vực phía Bắc để phát triển các thị trường lân cận nhằm giảm thiểu chi phí, tăng lợi nhuận cho công ty.
- Giải pháp sản phẩm: Kiên trì thực hiện các sản phẩm thế mạnh của Lilama 18, kiểm soát tốt công tác giao khoán nhằm tập trung nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao chi phí, giá trị hàm lượng chất xám trong sản phẩm ngày càng tăng cao. Đẩy mạnh việc triển khai chế tạo các sản phẩm xuất khẩu cho Kocks, Schade, Daniel, Redecam; tham gia lắp đặt các lò hơi 300Mw, 600Mw của các nhà máy điện chạy than.
- Giải pháp tài chính: Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành về quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý dòng tiền một cách hợp lý, đa dạng hóa phương án huy động vốn, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, chi phí đầu tư. Phối hợp đồng bộ kịp thời từ tổ chức thi công, nghiệm thu thu hồi vốn nhằm rút ngắn quá trình chu chuyển vốn, giảm thiểu sự phụ thuộc vào vốn vay nhằm tăng lợi nhuận, nghiên cứu xem xét kỹ lưỡng điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp cũng như nhu cầu sử dụng vốn để đưa ra các giải pháp huy động vốn phù hợp.
- Giải pháp đấu thầu: Luôn tôn trọng các yêu cầu của khách hàng, cũng cố niềm tin vững chắc đối với khách hàng thông qua việc thực hiện các thỏa thuận giữa Lilama 18 với khách hàng. Tối ưu hóa các lợi thế trình độ quản lý và điều hành, nhà xưởng, máy móc thiết bị thi công, nguồn nhân lực và tiềm lực tài chính vào quá trình báo giá đấu thầu. Duy trì mối quan hệ hữu hảo với các khách hàng truyền thống, nắm bắt và xử lý linh hoạt chính xác, kịp thời các thông tin liên quan đến công tác báo giá đấu thầu nhằm đảm bảo hiệu quả trúng thầu cao nhất.
- Giải pháp nguồn nhân lực: Làm tốt công tác lập kế hoạch nguồn nhân lực cho từng giai đoạn, từng dự án, công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng và chế độ đãi ngộ đối với từng chức danh, từng ngành nghề, từng công việc; phân phối thành quả lao động phù hợp với công sức đóng góp của mỗi thành viên trong quá trình sản xuất, nhằm giữ chân đội ngũ quản lý và sản xuất giỏi hiện có đồng thời thu hút được nhiều hiền tài đến với công ty. Bằng phương pháp khoán sản phẩm tới

tận tở sản xuất nhằm tối đa khả năng lao động sáng tạo của cán bộ công nhân viên; kích thích tinh thần làm việc tích cực và nâng cao trình độ quản lý và điều hành sản xuất của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

- Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, với thực lực hiện có của công ty kết hợp với việc xem xét và đánh giá một cách thận trọng những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Công ty đã xây dựng kế hoạch một số chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2014 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2014
1	Doanh thu	Đồng	801.794.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	38.810.000.000
3	Nộp Ngân sách	Đồng	53.756.000.000
4	Đầu tư	Đồng	50.000.000.000
5	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	Đồng	6.664.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15

f- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

- 1- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:** Cơ bản đã xây dựng được bộ máy điều hành sản xuất từ Ban tổng giám đốc đến các tổ đội sản xuất, phối hợp tổ chức hoạt động một cách đồng bộ, năng động, nhịp nhàng, linh hoạt và hiệu quả. Chú trọng giải quyết mọi vướng mắc tại các dự án như nguồn nhân lực, vật tư máy móc thiết bị thi công, nguyên nhiên vật liệu, nguồn tài chính. Tuyệt đối không để khách hàng, đối tác và chủ đầu tư kiến nghị, phàn nàn. Định kỳ hàng quý Hội đồng quản trị đều phối hợp với Ban tổng giám đốc tổ chức các buổi giao ban trực tiếp với các trường phó phòng ban công ty, thủ trưởng các đơn vị sản xuất, nhằm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh trong quý, những tồn tại và giải pháp khắc phục. Trên cơ sở đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện cho kỳ tiếp theo.
- 2- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:** Ban tổng giám đốc thực hiện đúng chức năng quản lý điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị. Năm 2012 thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng thường niên năm 2012 đề ra, chấp hành tốt các quy định về quản lý tài chính, nhân lực, vật tư máy móc thi công cũng như các quy định khác của pháp luật. Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động trong toàn công ty cũng như đảm bảo được cổ tức cho các cổ đông (cổ tức chi trả 15% và đã thanh toán cho các cổ đông trong tháng 01 năm 2013) và thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.
- 3- **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:** Kiên trì thực hiện các mục tiêu chiến lược của công ty giai đoạn 2012-2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua. Tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo điều lệ của công ty cũng như thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

V. Quản trị công ty:**1- Hội đồng quản trị:**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác). Công ty có 05 thành viên Hội đồng quản trị, trong đó:

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 04 thành viên: Ông Lê Quốc Ân, ông Trần Sỹ Quỳnh, ông Trần Quốc Toàn và ông Phạm Văn Vân.

Thành viên quản trị không điều hành gồm 01 thành viên: Ông Nguyễn Phương Anh.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Chưa có.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị và đại diện sở hữu cổ phiếu như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số CP	Tỷ lệ SH	Ghi chú
1	Lê Quốc Ân	Chủ tịch	1.718.857	21,352%	Tổng giám đốc
	<i>Đại diện phần vốn NN</i>		1.690.500	21,000%	
	<i>Cá nhân</i>		28.357	0,352%	
2	Trần Sỹ Quỳnh	Thành viên	1.228.863	15,265%	P tổng giám đốc
	<i>Đại diện phần vốn NN</i>		1.207.500	15,000%	
	<i>Cá nhân</i>		21.363	0,265%	
3	Trần Quốc Toàn	Thành viên	1.262.630	15,738%	Kế toán trưởng
	<i>Đại diện phần vốn NN</i>		1.207.500	15,000%	
	<i>Cá nhân</i>		59.460	0,738%	
4	Phạm Văn Vân	Thành viên	20.635	0,256%	P tổng giám đốc
5	Nguyễn Phương Anh	Thành viên	4.004	0,049%	Không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Chưa thành lập các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: HĐQT thường xuyên duy trì công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý của công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động của công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng nội dung các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Ngoài ra HĐQT còn chú trọng công tác quản lý rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế điều hành của tổng giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động khác của công ty. Cố gắng phát hiện và khắc phục các mặt còn hạn chế, tạo đà cho phát triển bền vững, nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa tập thể, nhà nước, người lao động, nhà đầu tư cũng như đối tác và khách hàng.

Năm 2013, HĐQT công ty đã thực hiện tốt vai trò quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. HĐQT cũng đưa ra các định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông, người lao động và

các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát, cụ thể:

+ Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên năm 2012, Báo cáo tài chính quý 1 năm 2013, Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 đã được soát xét, Báo cáo tài chính quý 3 năm 2013, Báo cáo tài chính quý 4 năm 2013 và Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.

+ Đã chỉ đạo sát sao công tác chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 07/4/2013.

+ Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý và điều hành hoạt động của công ty theo đúng quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, tuân thủ đúng điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ của công ty và bám sát nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Đôn đốc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013 và kết quả là công ty đã vượt kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế năm 2013 mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua.

+ Triển khai và hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2012 là 15%/VĐL và năm 2013 đã chốt danh sách chi trả cổ tức bằng tiền mặt vào ngày 06/01/2014 và đã chi trả vào ngày 22/01/2014 với tỷ lệ là 15%/VĐL.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị công ty đã tiến hành 32 phiên họp thường kỳ và theo vụ việc (đã phát hành 32 nghị quyết và 13 quyết định) nhằm đưa ra định hướng phát triển công ty, chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD, công tác đầu tư và các mặt hoạt động, quản lý khác của công ty; triển khai các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Việc triển khai các dự án đầu tư của công ty được thực hiện theo đúng quy định hiện hành về đầu tư, đấu thầu và xây dựng cơ bản.

Các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2013 cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày tháng	Nội dung
1	30/ NQ-HĐQT	07/01/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
2	32/QĐ-HĐQT	15/01/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
3	33/ NQ-HĐQT	28/01/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
4	34/ NQ-HĐQT	30/01/2013	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trụ sở công ty.
5	36/ NQ-HĐQT	06/02/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
6	37 NQ-HĐQT	21/02/2013	Phê duyệt các vấn đề liên quan tới ĐKĐCĐ thường niên 2013.
7	39/ NQ-HĐQT	26/02/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
8	40/ NQ-HĐQT	01/03/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
9	42/ NQ-HĐQT	12/03/2013	Phê duyệt Quy chế quản trị công ty và Quy chế công bố thông tin.
10	45/ NQ-HĐQT	15/03/2013	Phê duyệt các nội dung chính trình ĐKĐCĐ thường niên 2013.
11	51/ NQ-HĐQT	26/3/2013	Phê chuẩn cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động SXKD và cử người đại diện tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 tại công ty CP chế tạo giàn khoan dầu khí.
12	52/ NQ-HĐQT	13/04/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
13	53/ NQ-HĐQT	17/04/2013	Phê duyệt việc miễn nhiệm chức danh phó tổng giám đốc công ty
14	55/ QĐ-HĐQT	02/05/2013	Phê duyệt vay vốn tại Vietcombank.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày tháng	Nội dung
15	56/ QĐ-HĐQT	02/05/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
16	57/ NQ-HĐQT	27/05/2013	Phê duyệt phương án bổ nhiệm cán bộ quản lý công ty.
17	58/ NQ-HĐQT	27/05/2013	Phê duyệt phương án điều chỉnh lương; Phương án xây dựng trụ sở chính của công ty và Phê duyệt quy chế sử dụng các quỹ.
18	62/ NQ-HĐQT	28/05/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
19	63/ NQ-HĐQT	06/06/2013	Phê duyệt ban hành Quy chế đấu thầu
20	65/ NQ-HĐQT	10/06/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
21	66/ NQ-HĐQT	25/06/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
22	67/ NQ-HĐQT	25/06/2013	Phê duyệt lựa chọn Cty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013.
23	68/ NQ-HĐQT	12/07/2013	Phê duyệt Ban tái cấu trúc công ty.
24	69/ NQ-HĐQT	12/07/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
25	70/ NQ-HĐQT	20/08/2013	Phê duyệt đầu tư hệ thống phụ trợ chế tạo thiết bị.
26	72/ NQ-HĐQT	04/11/2013	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2013; Thành lập Hội đồng xử lý công nợ.
27	73/ NQ-HĐQT	04/11/2013	Phê duyệt kết quả SXKD quý 3& 9 tháng đầu năm 2013; Phê duyệt kế hoạch SXKD quý 4/2013; Dự kiến kế hoạch SXKD năm tài chính 2014; Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
28	76/NQ-HĐQT	05/11/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
29	77/NQ-HĐQT	05/12/2013	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
30	78/NQ-HĐQT	05/12/2013	Phê duyệt điều chỉnh số liệu báo cáo năm 2012 sau KTNN; Phê duyệt mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động từ ngày 01/01/2014; Phê duyệt nâng bậc lương CB quản lý.
31	80/NQ-HĐQT	12/12/2013	Phê duyệt quyết toán đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
32	81/NQ-HĐQT	17/12/2013	Phê duyệt phương án chi trả cổ tức năm 2013.
Stt	Số Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	29/ QĐ-HĐQT	04/01/2013	Quyết định nâng lương của ông Trần Quốc Toàn.
2	31 QĐ-HĐQT	14/01/2013	Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định.
3	35/ QĐ-HĐQT	30/01/2013	Quyết định Thành lập Hội đồng đầu tư dự án trụ sở công ty.
4	43/ QĐ-HĐQT	12/03/2013	Quyết định ban hành Quy chế quản trị công ty.
5	44/ QĐ-HĐQT	12/03/2013	Quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin.
6	54/ QĐ-HĐQT	17/04/2013	Miễn nhiệm chức danh phó tổng giám đốc công ty đối với ông Đặng Bá Cường kể từ ngày 20/4/2013 để đảm nhiệm công việc khác theo điều động của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam.
7	59/ QĐ-HĐQT	27/05/2013	Quyết định bổ nhiệm có thời hạn chức danh phó tổng giám đốc công ty đối với ông Phạm Văn Vân kể từ ngày 01/06/2013.
8	60/ QĐ-HĐQT	27/05/2013	Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phúc lợi
9	61/ QĐ-HĐQT	27/05/2013	Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng.
10	64/ QĐ-HĐQT	06/06/2013	Quyết định ban hành Quy chế đấu thầu.
11	74/QĐ-HĐQT	04/11/2013	Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
12	75/QĐ-HĐQT	04/11/2013	Quyết định về việc thành lập Hội đồng xử lý nợ.
13	79/QĐ-HĐQT	05/12/2013	Quyết định nâng bậc lương CB quản lý.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành: Đã thống nhất và kết hợp với các thành viên điều hành thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ công ty trong mọi hoạt động nhằm đưa ra

định hướng phát triển công ty, chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD, công tác đầu tư và các mặt hoạt động, quản lý khác của công ty.

- d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Phương Anh	Thành viên HĐQT

2- Ban Kiểm soát:

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban kiểm soát và 02 thành viên ban kiểm soát kiêm nhiệm theo danh sách sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Đỗ Xuân Trường	Trưởng ban	500	0,0062%	
2	Phạm Tuấn Anh	Thành viên	13.764	0,1709%	
3	Dương Thu Hồng	Thành viên	6.504	0,0808%	

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Trong năm 2013 Ban kiểm soát tổ chức 03 cuộc họp với các nội dung: Kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của công ty; nhận xét đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và ban tổng giám đốc. Tóm tắt các ý kiến nhận xét của Ban kiểm soát năm 2013 Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các văn bản, nghị quyết, quyết định, quy chế do Hội đồng quản trị công ty ban hành; trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ và theo vụ việc để chỉ đạo tình hình hoạt động của công ty, thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành doanh nghiệp theo đúng pháp luật, điều lệ công ty và các nghị quyết đã ban hành. Chỉ đạo việc phân chia lợi nhuận năm 2012 theo đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 đạt hiệu quả cao, doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch đã được đại hội cổ đông thông qua. Chỉ đạo công tác đầu tư mua sắm tài sản tăng năng lực sản xuất của công ty theo đúng quy định. Chỉ đạo công bố thông tin theo Luật chứng khoán và các quy định hiện hành đầy đủ và kịp thời. Trong năm 2013 Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của cổ đông liên quan đến việc quản trị và điều hành công ty của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty.

- c) Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc: Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc trên tinh thần xây dựng và hợp tác, thể hiện các cuộc họp Hội đồng quản trị thường mở rộng có Ban kiểm soát tham dự. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển đến Ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các nghị quyết Hội đồng quản trị và điều hành của Ban tổng giám đốc.

Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc khi triển khai thực hiện nghị của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các đơn vị trực thuộc công ty, các cổ đông trong và ngoài công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh, chia cổ tức, đại hội cổ đông,...vv. Để thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra.

Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính hiện hành cũng như việc tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động trong công ty.

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Thù lao 4 lần mức lương tối thiểu/tháng

Thành viên HĐQT, TBKS : Thù lao 3 lần mức lương tối thiểu/tháng

Thành viên BKS, Thư ký : Thù lao 2 lần mức lương tối thiểu/tháng

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Tổng cộng thu nhập	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị					
1	Lê Quốc Ân	Chủ tịch	387.875.274	79.200.000	467.075.274	
2	Trần Sỹ Quỳnh	Thành viên	315.797.820	59.400.000	375.197.820	
3	Trần Quốc Toàn	Thành viên	323.727.300	59.400.000	383.127.300	
4	Phạm Văn Vân	Thành viên	329.351.138	59.400.000	388.751.138	
5	Nguyễn phương Anh	Thành viên	287.480.829	59.400.000	346.880.829	
II	Ban kiểm soát					
1	Đỗ Xuân Trường	TBKS	0	59.400.000	59.400.000	
2	Phạm Tuấn Anh	Thành viên	215.228.164	39.600.000	254.828.164	
3	Dương Thu Hồng	Thành viên	232.086.728	33.600.000	271.686.728	
III	Ban tổng giám đốc					
1	Lê Quốc Ân	Tổng GĐ	0	0	0	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Sỹ Quỳnh	P tổng GĐ	0	0	0	Th. viên HĐQT
3	Đặng Quốc Anh	P tổng GĐ	332.079.525	0	332.079.525	
4	Vũ Minh Tuấn	P tổng GĐ	332.079.525	0	332.079.525	
5	Phan Văn Nam	P tổng GĐ	334.370.055	0	334.370.055	
6	Ngô Văn Phùng	P tổng GĐ	332.079.525	0	332.079.525	
7	Trần Văn Tiến	P tổng GĐ	238.128.000	0	238.128.000	
8	Nguyễn Duy Lợi	P tổng GĐ	0	0	0	Biệt phái Tcty

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Trần Quốc Toàn	Thành viên HĐQT- Kế toán trưởng Cty	55.130	0,685%	59.460	0,738%	Mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo của Ban giám đốc; Báo cáo kiểm toán; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

1- Ý kiến của Kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty cổ phần Lilama 18 tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2- Báo cáo tài chính được Kiểm toán (Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2013)

Tp Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18
 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc



Nơi gửi:

- UBCK Nhà Nước
- Sở GD&ĐT Tp HCM
- HĐQT
- Lưu VP

Lê Quốc Ân

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Số 29 BT2 - KĐT Bắc Linh Đàm - Quận Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (04) 3767 0720 Fax: (04) 3767 0721
Hà Nội, tháng 03 năm 2014

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 18 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần LILAMA 18 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 18. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103005862 ngày 04 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 0300390921.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế điện, lắp ráp máy móc thiết bị cho các công trình.
- Sản xuất và mua bán vật tư, đất đèn, que hàn, ôxy; phụ tùng, cấu kiện kim loại cho xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (binh, bể, bồn, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn: giàn khoan dầu khí, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy.
- Mua bán vật tư, thiết bị (cơ, điện, nhiệt, lạnh, vật liệu xây dựng, vật liệu bảo ôn, cách nhiệt) các dây chuyền công nghệ.
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường, bến cảng, sân bay).
- Thi nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện, điều khiển tự động, kiểm tra môi hàn kim loại. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.
- Cho thuê nhà ở, văn phòng. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn.

Trụ sở chính của Công ty tại 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 80.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.050.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	4.105.500	41.055.000.000	51 %
Vốn góp của cổ đông khác	3.944.500	39.445.000.000	49 %
	8.050.000	80.500.000.000	100,00%

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TRAC
KIE
THA
VI
ANH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Lê Quốc Ân	Chủ tịch
Ông Trần Sỹ Quỳnh	Thành viên
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên
Ông Nguyễn Phương Anh	Thành viên
Ông Phạm Văn Vân	Thành viên

Các thành viên Ban giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Lê Quốc Ân	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quốc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Phùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Sỹ Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Bá Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Toàn	Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 01/6/2013

Miễn nhiệm ngày 20/4/2013

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Đỗ Xuân Trường	Trưởng ban
Bà Dương Thu Hồng	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) (tên cũ là Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

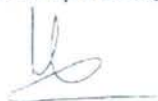
Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 18
phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày
01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2014

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
LÊ QUỐC ÂN

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 02 năm 2014

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Quốc Ân



Thành viên Mạng Kiểm toán MGI Quốc tế



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Số 29, Biệt thự 2 - KĐT Bắc Linh Đàm - Đại Kim - Hoàng Mai - Hà Nội - Việt Nam
Tel: (+84) 3767 0720 - Fax: (+84) 3767 0721

Số: 241/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
của Công ty cổ phần LILAMA 18

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 18

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần LILAMA 18 được lập ngày 17/01/2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần LILAMA 18 tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TÔNG THỊ BÍCH LAN

Phó Giám đốc

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0060 - 2014 -126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2014

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Kiểm toán viên

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2349-2014-126-1

11/07/2014/12/11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.085.733.214.454	936.936.012.902
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		207.747.360.645	135.594.743.560
1. Tiền	111	V.01	207.747.360.645	135.594.743.560
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		245.853.396.840	271.288.836.582
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	227.831.275.173	253.646.447.557
2. Trả trước cho người bán	132		5.141.561.093	4.216.572.652
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		27.454.151.460	28.668.139.668
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	12.008.337.055	10.046.924.170
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(26.581.927.941)	(25.289.247.465)
IV. Hàng tồn kho	140		599.487.667.644	502.047.834.898
1. Hàng tồn kho	141	V.04	599.487.667.644	502.047.834.898
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.644.789.325	28.004.597.862
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.299.512.212	500.975.200
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		889.045.986	589.885.368
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		17.632.582	3.346.258
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		30.438.598.545	26.910.391.036
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.794.578.373	159.285.097.951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		138.223.117.067	95.372.780.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	66.994.388.490	60.156.722.442
- Nguyên giá	222		175.419.174.480	138.612.408.411
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(108.424.785.990)	(78.455.685.969)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	69.375.000.499	27.914.700.378
- Nguyên giá	225		87.655.691.393	65.844.825.834
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(18.280.690.894)	(37.930.125.456)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	1.853.728.078	7.301.357.702
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	15.797.936.735	23.358.068.814
3. Đầu tư dài hạn khác	258		25.535.475.000	25.535.475.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(9.737.538.265)	(2.177.406.186)
V. Tài sản dài hạn khác	260		53.773.524.571	40.554.248.615
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	46.061.392.511	36.181.235.635
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.712.132.060	4.373.012.980
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.293.527.792.827	1.096.221.110.853

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.110.263.718.247	938.118.095.570
I. Nợ ngắn hạn	310		1.013.758.051.291	810.877.335.419
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	458.316.042.001	224.819.450.817
2. Phải trả người bán	312		22.471.322.159	9.386.259.888
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	249.451.426.638	333.362.840.125
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	10.477.475.343	10.254.966.829
5. Phải trả công nhân viên	315		65.424.419.030	45.383.049.584
6. Chi phí phải trả	316	V.14	34.898.450.295	47.080.231.109
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	131.304.626.939	123.838.413.790
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.16	40.850.667.522	16.169.273.191
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		563.621.364	582.850.086
II. Nợ dài hạn	330		96.505.666.956	127.240.760.151
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	61.770.309.940	45.093.526.431
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		34.735.357.016	82.147.233.720
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		183.264.074.580	158.103.015.283
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	183.264.074.580	158.103.015.283
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.500.000.000	80.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.076.755.000	8.076.755.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.552.849.625	3.616.983.986
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		32.661.909.986	21.046.716.154
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.488.715.263	3.616.983.986
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		48.983.844.706	41.245.576.157
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.293.527.792.827	1.096.221.110.853

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007		-	-
- USD			13.661,43	6.676,4
- EUR			167,37	129,47
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu

Nguyễn Thành

Kế toán trưởng

Trần Quốc Toàn

TP.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2014
Tổng Giám đốc

Lê Quốc Ân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.19	1.277.116.721.662	1.084.133.985.665
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.20	1.277.116.721.662	1.084.133.985.665
4. Giá vốn hàng bán	11	V.21	1.165.901.281.123	975.935.280.348
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.215.440.539	108.198.705.317
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.22	9.424.539.057	13.633.540.720
7. Chi phí tài chính	22	V.23	37.115.858.706	35.361.014.797
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.464.088.541	30.248.886.830
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		41.403.279.691	43.358.631.317
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.120.841.199	43.112.599.923
11. Thu nhập khác	31		20.846.686.247	13.316.759.946
12. Chi phí khác	32		8.280.576.716	4.417.036.196
13. Lợi nhuận khác	40		12.566.109.531	8.899.723.750
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.686.950.730	52.012.323.673
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.24	13.579.160.155	12.159.791.446
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		41.107.790.575	39.852.532.227
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		5.107	4.950

TP.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Thành

Kế toán trưởng

Trần Quốc Toàn

Tổng Giám đốc

Lê Quốc Ân



010
TRÁC
KIỂM
PHÁ
VI
NH



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.376.152.596.714	1.077.348.854.421
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(930.815.124.793)	(611.375.697.753)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(374.972.436.584)	(252.547.015.899)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(26.444.694.864)	(30.333.248.148)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(15.974.052.259)	(9.253.505.652)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.294.993.680	5.999.846.224
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(167.054.098.633)	(103.347.262.852)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(129.812.816.739)</i>	<i>76.491.970.341</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(45.961.138.561)	(35.299.431.759)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	1.284.179.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.247.308.072	12.553.921.530
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(36.429.651.489)</i>	<i>(22.745.510.229)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.119.406.667.502	708.893.483.338
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(852.301.077.705)	(747.468.536.825)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(16.932.215.104)	(10.770.390.309)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.778.289.380)	(11.840.955.050)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>238.395.085.313</i>	<i>(61.186.398.846)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>	<i>72.152.617.085</i>	<i>(7.439.938.734)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	135.594.743.560	143.036.798.236
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.115.942)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	207.747.360.645	135.594.743.560

Người lập biểu

Nguyễn Thành

Kế toán trưởng

Trần Quốc Toàn

TP.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc

Lê Quốc Ân



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 18 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 18. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103005862 ngày 04 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 0300390921.

Trụ sở chính của Công ty tại số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế điện, lắp ráp máy móc thiết bị cho các công trình.
- Sản xuất và mua bán vật tư, đất đèn, que hàn, oxy; phụ tùng, cấu kiện kim loại cho xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (binh, bể, bồn, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn; giàn khoan dầu khí, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy.
- Mua bán vật tư, thiết bị (cơ, điện, nhiệt, lạnh, vật liệu xây dựng, vật liệu bảo ôn, cách nhiệt) các dây chuyền công nghệ.
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường, bến cảng, sân bay).
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện, điều khiển tự động, kiểm tra mối hàn kim loại. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.
- Cho thuê nhà ở, văn phòng. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp):

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Handwritten notes on the right margin: // P. // M. // GI. // V. // H. // C. //

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay";

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

duu

nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần; hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

14. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày tại mục VII.1 trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

U.T.M.S.D.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Tiền mặt tại quỹ	376.513.805	232.092.428
Tiền gửi ngân hàng	207.370.846.840	135.362.651.132
Cộng	207.747.360.645	135.594.743.560

2 Phải thu khách hàng ^(a)

^(a) Chi tiết tại phụ lục số 01.

3 Các khoản phải thu khác	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Công ty cho thuê TC Quốc tế Việt nam	2.174.359.290	-
Công ty cho thuê TC Quốc tế CHAILEASE	1.443.746.571	1.272.068.446
Công ty Tài chính II	518.482.891	856.925.294
Công ty cho thuê TC Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Trần Hữu Kiêu	333.833.483	-
	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH thi công CG Hồng Phát	4.171.174.000	4.171.174.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng COTEC.IN	153.095.284	153.095.284
Phải thu khác	3.013.645.536	3.393.661.146
Cộng	12.008.337.055	10.046.924.170

4 Hàng tồn kho	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Nguyên liệu, vật liệu	181.232.192	181.672.192
Công cụ, dụng cụ	713.065.089	524.660.289
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	598.593.370.363	501.341.502.417
Cộng giá gốc hàng tồn kho	599.487.667.644	502.047.834.898

5 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình ^(b)

^(b) Chi tiết tại phụ lục số 02.

6 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	50.724.641.128	15.120.184.706	65.844.825.834
Số tăng trong kỳ	46.772.775.732	9.303.907.713	56.076.683.445
- Thuế tài chính trong kỳ	46.772.775.732	9.303.907.713	56.076.683.445
- Tăng khác	-	-	-
Số giảm trong kỳ	25.061.525.979	9.204.291.907	34.265.817.886
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	25.061.525.979	9.204.291.907	34.265.817.886
Số dư cuối kỳ	72.435.890.881	15.219.800.512	87.655.691.393

Thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính (tiếp)	Đơn vị tính: đồng		
	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	32.135.628.318	5.794.497.138	37.930.125.456
Số tăng trong kỳ	5.310.147.815	2.734.485.887	8.044.633.702
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	5.310.147.815	2.734.485.887	8.044.633.702
Số giảm trong kỳ	23.007.783.915	4.686.284.349	27.694.068.264
- <i>Mua lại TSCĐ thuê tài chính</i>	23.007.783.915	4.686.284.349	27.694.068.264
Số dư cuối kỳ	14.437.992.218	3.842.698.676	18.280.690.894
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	18.589.012.810	9.325.687.568	27.914.700.378
Tại ngày cuối kỳ	57.997.898.663	11.377.101.836	69.375.000.499

8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Xây dựng cơ bản dở dang	1.853.728.078	7.301.357.702
- <i>Đền bù quyền sử dụng đất 2810m2 - Quận 9</i>	673.165.000	673.165.000
- <i>Xây dựng chung cư Lilama 18</i>	267.413.589	267.413.589
- <i>Xây dựng Văn phòng Lilama 18</i>	5.296.818	-
- <i>Nhà máy Chế tạo kết cấu thép Bình Dương</i>	7.362.728	7.362.728
- <i>Đầu tư xây dựng cầu cảng tại An Tây - Bến Cát</i>	486.426.708	486.426.708
- <i>KH Quyền sử dụng đất An Tây - Bến Cát</i>	267.972.480	107.188.992
- <i>Mua sắm tài sản cố định</i>	146.090.755	5.759.800.685
Cộng	1.853.728.078	7.301.357.702

9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm						Số đầu năm
	Tỷ lệ Số cổ phần		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Giá trị (đồng)
Đầu tư dài hạn khác			25.535.475.000			25.535.475.000	
<i>Công ty TNHH Kết cấu thép toàn cầu Vina ^(c)</i>	15%	753.548	7.535.475.000	15%	753.548	7.535.475.000	
<i>CTCP Chế tạo giàn khoan dầu khí ^(d)</i>	3,03%	1.800.000	18.000.000.000	3,03%	1.800.000	18.000.000.000	
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn			(9.737.538.265)			(2.177.406.186)	
Cộng			15.797.936.735			23.358.068.814	

^(c) Vốn điều lệ của Công ty TNHH Kết cấu thép toàn cầu Vina theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.236.500.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 15% vốn điều lệ.

^(d) Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan dầu khí theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 594.897.870.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 3,03% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

10 Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Chi phí tư vấn và cấp chứng chỉ ASME	912.297.885	271.463.562
Chi phí chuẩn bị cho DA Formosa	191.371.944	-
Chi phí quyền sử dụng đất	25.831.797.704	26.378.051.948
Chi phí bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện Hợp đồng	311.744.910	1.080.803.967
Chi phí chờ phân bổ	18.814.180.068	8.450.916.158
Cộng	46.061.392.511	36.181.235.635

11 Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vay ngắn hạn	439.529.591.707	211.538.406.530
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đồng Nai ⁽¹⁾	192.289.683.077	94.695.107.538
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh ⁽²⁾	190.929.213.624	116.843.298.992
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh ⁽³⁾	56.310.695.006	-
Vay dài hạn đến hạn trả	18.786.450.294	13.281.044.287
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai	-	2.085.065.299
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh	564.000.000	1.160.104.040
- Công ty cho thuê TC II - TNHH MTV Ngân hàng BIDV VN	3.191.551.070	10.035.874.948
- Công ty cho thuê TC Quốc tế CHAILEASE	7.608.421.458	-
- Công ty cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	6.173.379.430	-
- Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng VCB - HCM	1.249.098.336	-
Cộng	458.316.042.001	224.819.450.817

⁽¹⁾ Vay Ngân hàng TMCP ĐT & PT tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 1503/2013/HDDTD ngày 15 tháng 3 năm 2013. Phụ lục 01/93018 ngày 09/9/2013. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản thế chấp bao gồm Nhà máy chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 133667 do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương cấp ngày 22/4/2010 tổng giá trị 15.443.000.000 đồng; Cổ phiếu công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu Khí PVT Shipyard; Số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh và các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 12 tháng, lãi trả hàng tháng.

⁽²⁾ Vay Ngân hàng TMCP ĐT & PT thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 12/2013/93018 ngày 15/03/2013 và Phụ lục 01-12/2013/93018 ngày 29/8/2013. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá/chứng chỉ tiền gửi số 03/2012/93018 ngày 29/2/2012, hợp đồng cầm cố số 01/2004/93018 ngày 30/9/2004; hợp đồng thế chấp số 29/2009/93018 ngày 03/7/2009 và phụ lục ngày 30/10/2009; Hợp đồng thế chấp số 66/2009/93018 ngày 21/10/2009 và phụ lục ngày 30/12/2009; Hợp đồng thế chấp số 11/2010/93018 ngày 07/5/2011; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 24/2010/93018 ngày 22/11/2010, hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 34/2011/93018 ngày 16/11/2011. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 12 tháng, lãi được trả hàng tháng.

⁽³⁾ Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0123/KH/13NH ngày 08/5/2013. Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Căn trực bánh lốp KATO KR-45H và Căn trực bánh xích HITACHI KH850-3, chi tiết được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 0191/NHNT ngày 08/05/2013 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có)

12 Người mua trả tiền trước ^(a)

^(a) Chi tiết tại phụ lục số 03.

Thy

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.899.819.632	1.288.647.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.686.990.515	7.081.882.619
Thuế thu nhập cá nhân	2.890.665.196	1.809.856.703
Các loại thuế khác	-	74.579.850
Cộng	10.477.475.343	10.254.966.829

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 Chi phí phải trả	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Trích trước chi phí tiền lương bổ sung	19.038.978.000	-
Trích trước chi phí công trình XM Hôn Chông - 13247	9.281.663.053	-
Trích trước chi phí công trình cầu Kock - 73008-09	4.309.032.482	-
Trích trước chi phí kiểm toán BCTC	-	136.363.636
Trích trước chi phí công trình H.Thạch - B.Đông (0006/11)	-	9.391.240.751
Trích trước chi phí công trình giàn RC6 - 0149/11	-	4.282.191.319
Trích trước chi phí công trình NM Interfloor (phần điện)	-	987.877.069
Trích trước chi phí công trình NM điện Nhơn Trạch 2	-	17.116.401.466
Trích trước chi phí công trình XM HTiền 2.2 - 11-46	-	3.698.128.751
Trích trước chi phí công trình NM Vũng áng - 1682/HĐKT	-	4.650.382.955
Trích trước chi phí công trình Chân đế Gầu Trắng - 0108/12	-	2.038.553.417
Trích trước chi phí công trình NM Interfloor (09-130)	-	1.131.470.303
Trích trước chi phí các công trình khác	142.483.221	1.540.721.580
Trích trước chi phí lãi vay	2.126.293.539	2.106.899.862
Cộng	34.898.450.295	47.080.231.109

15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Kinh phí công đoàn	244.260.169	641.601.599
Các khoản phải trả, phải nộp khác	131.060.366.770	123.196.812.191
- Nợ tiền hoàn ứng các tổ đội công trình	125.645.086.162	119.907.970.867
- Phải trả phải nộp khác	5.415.280.608	3.288.841.324
Cộng	131.304.626.939	123.838.413.790

16 Dự phòng phải trả ngắn hạn	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Chi phí bảo hành công trình ^(h) :		
- Chế tạo chân đế Hải Thạch - Biên Đông - 0006/11	13.001.627.689	-
- Gia công, chế tạo kết cấu Chân đế - 0123/10	1.476.998.840	-
- Gia công và vận chuyển đến công trường cảng Phú Hữu ITC - 73006/007 từ ngày 02/04/2013-01/10/2014	1.804.147.118	-
- NM giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- Tư vấn thiết kế, LĐ hệ thống máy biến áp - 10-117 từ ngày 10/01/2013-09/01	1.194.049.850	-
NM điện Nhơn Trạch 2:- Hệ thống LOT3 BOP (ngày 17/7/2009) từ ngày 28/02/2012 đến 27/02/2014	7.502.941.460	-
Dự án Đông Đô- Thăng Long - 0142/12/VSP05-LILAMA/XL từ ngày 07/10/2013-06/10/2015	3.292.727.580	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

Dự phòng phải trả ngắn hạn (tiếp)	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Chế tạo trên bờ Tope side Chân đế Gấu Trắng - 0109/12/T-N3 từ ngày 16/12/2013-15/12/2014	2.299.889.950	-
Thi công lắp đặt máy & T bị dây chuyển CGL số 2 (SUNSCO/LM18-HDKT-88) từ ngày 14/08/2013-13/08/2015	1.870.000.000	-
Chế tạo trên bờ kết cấu chân đế Gấu Trắng - 0108/12/T-N3 từ ngày 16/12/2013-15/12/2014	1.841.433.700	-
NM xi măng Hòn Chông:- GC & lắp đặt KCT kết cấu lọc bụi (12162/2012) từ ngày 21/08/2013-20/08/2014	1.606.963.098	-
- Chế tạo Topeside Đai Hìng giai đoạn II (0070/10/T-D5) - từ 18/03/2012 - 17/03/2013	-	2.932.744.782
- Chế tạo Tope side chân đế RC4 - 0241/09	-	823.002.350
- Gia công lắp dựng chân đế RC4 (0172/09/T-VSP7) - từ 12/01/2012 - 11/01/13	-	1.405.137.650
- Lắp dựng hoàn chỉnh cho bên A 03 bộ khung KCT Liebherr (VISC-L18-02) - từ 17/01/12 - 16/07/13	-	723.392.919
- NM xi măng Hòn Chông:- CC và thực hiện công tác xây dựng hệ thống thu hồi nhiệt (HĐ 11209/HNPJ/2011)	-	2.831.835.568
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt đầu nổi toàn bộ giàn RC6 - 0149/11/LILAMA18 từ 22/09/12 - 21/09/13	-	2.671.986.550
- Các công trình nhỏ lẻ khác	4.959.888.237	4.781.173.372
Cộng	40.850.667.522	16.169.273.191

^(b) Trích chi phí bảo hành công trình theo tỷ lệ từ 3% đến 5% tổng giá trị quyết toán công trình

17 Vay dài hạn và nợ dài hạn	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vay dài hạn	1.279.462.870	1.843.462.870
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển TP Hồ Chí Minh	1.279.462.870	1.843.462.870
Nợ dài hạn	60.490.847.070	43.250.063.561
- Thuê tài chính	29.872.188.919	12.631.405.410
- Nợ dài hạn khác ^(c)	30.618.658.151	30.618.658.151
Cộng	61.770.309.940	45.093.526.431

^(c) Sử dụng tiền chuyển mục đích sử dụng đất của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam tại Khu đất 1.2ha - khu phố II, phường Phước Long B, Quận 9 để xây dựng Nhà máy kết cấu thép tại Bình Dương (giải ngân từ Kho bạc Nhà nước TP. Hồ Chí Minh).

^(c) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	22.971.977.777	4.749.527.483	18.222.450.294	14.145.037.584	3.374.647.275	10.770.390.309
Trên 1 năm đến 5 năm	36.030.826.541	6.158.637.622	29.872.188.919	16.728.383.143	4.096.977.733	12.631.405.410
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
Cộng	59.002.804.318	10.908.165.105	48.094.639.213	30.873.420.727	7.471.625.008	23.401.795.719

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

18. Vốn chủ sở hữu**18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu** (Chi tiết tại phụ lục số 04)**18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Vốn góp của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	41.055.000.000	41.055.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	39.445.000.000	39.445.000.000
Cộng	80.500.000.000	80.500.000.000

18.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.050.000	8.050.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.050.000	8.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.050.000	8.050.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.050.000	8.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.050.000	8.050.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.107.790.575	39.852.532.227
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	41.107.790.575	39.852.532.227
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.050.000	8.050.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.107	4.950

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.277.116.721.662	1.084.133.985.665
Cộng	1.277.116.721.662	1.084.133.985.665

20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	1.277.116.721.662	1.084.133.985.665
Cộng	1.277.116.721.662	1.084.133.985.665

21. Giá vốn hàng bán

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.165.901.281.123	975.935.280.348
Cộng	1.165.901.281.123	975.935.280.348

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Lãi tiền gửi	7.347.308.072	11.293.921.530
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.175.891.169	1.079.619.190
Cổ tức, LN được chia	900.000.000	1.260.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác - Lãi kỳ quỹ TMTC	1.339.816	-
Cộng	9.424.539.057	13.633.540.720

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

23 Chi phí tài chính	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Lãi tiền vay	26.464.088.541	30.248.886.830
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	7.560.132.079	915.683.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.432.563.086	4.196.444.412
Chi phí tài chính khác - Phí thu xếp vốn tin dụng	659.075.000	-
Cộng	37.115.858.706	35.361.014.797
24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		Năm nay đồng
a. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		54.686.950.730
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế TNDN		(653.353.363)
- Cổ tức lợi nhuận được chia		(900.000.000)
- Các khoản chi phí không hợp lệ khi xác định thuế TNDN		246.646.637
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN		54.033.597.367
d. Thuế TNDN phải nộp		13.579.160.155
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		13.508.399.342
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các kỳ trước		70.760.813
25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Chi phí nguyên, nhiên vật liệu	526.878.075.906	344.102.580.628
Chi phí nhân công	418.939.334.200	292.265.609.323
Chi phí khấu hao (*)	20.171.552.043	23.511.515.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.268.342.303	136.783.521.783
Chi phí bằng tiền khác	64.299.124.308	94.539.912.317
	1.304.556.428.760	891.203.139.991

(*) Chi phí khấu hao không bao gồm chi phí của tài sản cho thuê

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	405.708.885.001
	- Nhà máy Nhiệt điện Cà Mau			5.215.000.000
	- Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1			64.319.059.121
	- Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2			81.674.567.300
	- Công trình nhiệt điện Vũng Áng 1			254.500.258.580

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
1	Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	20.866.659.375
			Người mua trả tiền trước	(57.087.102.877)
			Các khoản nợ vãng lai	286.963.596
			Phải thu khác	20.608.967
			Phải trả người bán	(1.420.105.200)
			BHXH công nhân biệt phái	43.545.604
2	Công ty CP Lilama 45.4	Công ty TV của TCT	Phải thu khách hàng	265.804.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

TT	Các bên liên quan (tiếp)	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
3	Công ty CP Lilama 69.1	Công ty TV của TCT	Phải thu khách hàng	397.098.326
4	Công ty CP cơ khí lắp máy Lilama	Công ty TV của TCT	Trả trước người bán	1.020.804.020
			Phải trả người bán	(4.196.519.020)
			BHXH công nhân biệt phái	40.915.850
5	Công ty CP Lilama 69.3	Công ty TV của TCT	Phải trả người bán	(1.227.614.401)
			BHXH công nhân biệt phái	(21.904.657)
6	Công ty CP Lilama 7	Công ty TV của TCT	Trả trước người bán	385.000.000
			Phải trả người bán	(5.866.945.873)
7	Công ty CP Lisemco 2	Công ty TV của TCT	Trả trước người bán	1.539.837.820
8	Công ty CP Lilama 10	Công ty TV của TCT	BHXH công nhân biệt phái	(53.255.925)

* Lương, thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký trong năm 2013

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Lê Quốc Ân	Chủ tịch Hội đồng quản trị	387.875.274	79.200.000
2	Trần Sỹ Quỳnh	Thành viên Hội đồng quản trị	315.797.820	59.400.000
3	Trần Quốc Toàn	Thành viên Hội đồng quản trị	323.727.300	59.400.000
4	Phạm Văn Vân	Thành viên Hội đồng quản trị	329.351.138	59.400.000
5	Nguyễn Phương Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	287.480.829	59.400.000
6	Cao Nguyên Soái	Thư ký Hội đồng quản trị	332.079.525	39.600.000
7	Đỗ Xuân Trường	Trưởng Ban kiểm soát	-	59.400.000
8	Phạm Tuấn Anh	Thành viên Ban kiểm soát	215.228.164	39.600.000
9	Dương Thu Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	232.086.728	39.600.000
	Tổng cộng		2.423.626.778	495.000.000

2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực địa lý

	Miền Nam	Miền Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	506.715.014.162	770.401.707.500	1.277.116.721.662
Tài sản bộ phận	513.226.350.218	780.301.442.609	1.293.527.792.827
Tổng chi phí đã phát sinh để mua và thuê TSCĐ	29.437.273.572	44.755.977.601	74.193.251.173

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.277.116.721.662	-	1.277.116.721.662
Khấu hao và chi phí phân bổ	20.355.717.303	-	20.355.717.303
LN từ hoạt động kinh doanh	42.120.841.199	-	42.120.841.199
Tổng chi phí đã phát sinh để mua và thuê TSCĐ	74.193.251.173	-	74.193.251.173
Tài sản bộ phận	1.293.527.792.827	-	1.293.527.792.827
Tài sản không phân bổ	-	-	-

Duy

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Tổng tài sản	1.293.527.792.827	-	1.293.527.792.827
Nợ phải trả bộ phận	1.110.263.718.247	-	1.110.263.718.247
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	1.110.263.718.247	-	1.110.263.718.247

3 Công cụ tài chính**3.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm vốn thuộc sở hữu của các chủ sở hữu (bao gồm vốn điều lệ trừ đi lỗ lũy kế).

3.2 Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.11.

3.3 Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013 đồng	01/01/2013 đồng	31/12/2013 đồng	01/01/2013 đồng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	207.747.360.645	135.594.743.560	207.747.360.645	135.594.743.560
Phải thu khách hàng	227.831.275.173	253.646.447.557	209.574.792.584	232.893.733.045
Phải thu khác	12.008.337.055	10.046.924.170	6.925.991.867	5.875.750.170
Cộng	447.586.972.873	399.288.115.287	424.248.145.096	374.364.226.775
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	22.471.322.159	9.386.259.888	22.471.322.159	9.386.259.888
Các khoản phải trả khác	131.304.626.939	123.838.413.790	131.304.626.939	123.838.413.790
Chi phí phải trả	34.898.450.295	47.080.231.109	34.898.450.295	47.080.231.109
Các khoản vay	520.086.351.941	269.912.977.248	520.086.351.941	269.912.977.248
Cộng	708.760.751.334	450.217.882.035	708.760.751.334	450.217.882.035

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (Bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4 Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho các đơn vị khác tại ngày 31/12/2013 (được thuyết minh tại V.11).

5 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	646.990.441.394	61.770.309.940	708.760.751.334
Các khoản vay	458.316.042.001	61.770.309.940	520.086.351.941
Phải trả người bán	22.471.322.159	-	22.471.322.159
Chi phí phải trả	34.898.450.295	-	34.898.450.295
Phải trả khác	131.304.626.939	-	131.304.626.939
Số đầu năm	405.124.355.604	45.093.526.431	450.217.882.035
Các khoản vay	224.819.450.817	45.093.526.431	269.912.977.248
Phải trả người bán	9.386.259.888	-	9.386.259.888
Chi phí phải trả	47.080.231.109	-	47.080.231.109
Phải trả khác	123.838.413.790	-	123.838.413.790

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.


7 Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 chuyển sang ngày 01/01/2013 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên Nhà nước.

Người lập biểu

 Nguyễn Thành

Kế toán trưởng

 Trần Quốc Toàn

TP.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2014
 Tổng Giám đốc

 Lê Quốc Ân

Y/C
 UHA
 V/V
 M
 P.H



Phụ lục số 01: Phải thu khách hàng

TT	Khách hàng	Đơn vị tính: đồng	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tecpro Systems, (Ash Tech Division):- Thanh toán khối lượng hoàn thành theo các Order của WORK ORDER ND Vũng Áng	13.400.503.857	210.947.361
2	BQLDA Trạm nghiền XM Hà Tiên 2:- CCVT, thiết bị trong nước, GCCT dây chuyền SX Clinker - Dây chuyền XMHT2-2 (09013/HĐ)	1.375.773.546	34.964.530.184
3	BQLDA Trạm nghiền XM Hà Tiên 2:- CCVT, TB trong nước, GCCT TB nghiền & đóng bao XMHT2-2 (09017/HĐ)	647.774.851	13.830.951.526
4	ACTGLOCOATING:- Cung cấp vật tư, gia công ống (PO 11.03.2011 ngày 09/03/2011)	-	2.946.080.000
4	Công ty Holcim Việt nam:- CCNC bảo trì thiết bị XM Hòn Chông (từ 2013)	3.970.640.243	-
5	JAN DE NUL N.V:- CCNC theo đơn đặt hàng số 608 ký ngày 17/05/2011	2.280.295.710	4.393.056.360
6	131:- Cty Nestle Việt Nam: - GC, Lắp đặt KCT và thiết bị - 7510084	1.920.095.871	-
7	Jurong Engineering Ltd:- LD và TN lọc bụi tĩnh điện (EPS) IIT khử lưu huỳnh khí thải NM điện Nghi Sơn 1 (JOB No 30312)	16.750.121.631	16.895.154.968
7	ECC 69-1:- Gia công, chế tạo bồn bể HD số 01/2011/Lilama 69-1-Lilama 18 ngày 02/03/2011	110.008.656	110.008.656
8	Công ty CP thiết bị nâng chuyển Falcon:- Chế tạo và lắp dựng 02 bộ KCT chân đế cần cầu chạy trên ray (01DKPM/FALCON)	1.557.949.829	1.844.099.829
9	Công ty Holcim Việt nam:- Cung cấp vật tư, GC & LD XM Hòn Chông - 13247/HNPJ/2013	13.718.548.452	-
10	Cty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- Bảo trì bảo dưỡng (10-56)	1.020.900.000	2.459.400.000
11	Cty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- Tư vấn thiết kế, CCVT & LD hệ thống máy biến áp - 10-117	5.475.575.340	8.522.631.140
12	Cty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- LD thiết bị cơ khí dây chuyền máy xeo PM4 - 10-093	-	2.299.605.000
13	Cty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- Cung cấp Pipe-Fittings, lắp đặt và bảo ôn cho hệ thống hơi chính (HĐ 11-078)	1.153.666.950	5.739.166.950
14	Cty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- Cung cấp và lắp đặt khung dầm (HĐ 11-111)	742.224.220	1.795.498.220
15	Cty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- CC và LD hoàn thiện thiết bị dây chuyền PM 4 Rewinder - 12.LM18.HDKT-64	4.728.041.200	2.284.927.000
16	Công ty CP xi măng Đồng Lâm:- SX & xây dựng KCT các hạng mục kho phụ gia XM Đồng Lâm (11/2013/HĐLD)	3.973.047.888	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

17	Công ty CP xi măng Đồng Lâm:- SX và lắp dựng KCT cho tháp trao đổi nhiệt và ống khói chính XM Đồng Lâm (03/2012)	4.350.893.514	-
18	LD Việt- Nga Vietsovertro:- Chế tạo trên bờ kết cấu chân đế Gấu Trắng - 0108/12/T-N3 ngày 03/04/2012	6.320.420.420	-
19	LD Việt- Nga Vietsovertro:- Chế tạo trên bờ kết cấu Topside chân đế Gấu Trắng - 0109/12/T-N3 ngày 03/04/2012	7.200.760.178	-
20	Công ty Holcim Việt Nam:- CC và thực hiện công tác xây dựng hệ thống thu hồi nhiệt NMXM Hòn Chông (HD 11209/HNPJ/2011)	-	31.925.083.910
21	Công ty Holcim Việt nam:- Gia công & lắp đặt KCT, đường ống, kết cấu lọc bụi NMXM Hòn Chông (HD 12162/HNPJ/2012)	-	7.327.459.205
22	Công ty Holcim Việt nam:- CC lắp đặt thiết bị xuất bao JumBo XM Hòn Chông - 13173/HNPJ/2013	2.018.447.614	-
23	CTY CP xi măng Hà Tiên I:- Lắp đặt thiết bị các HMCT dây chuyền SX Clinker XM Bình Phước (34/HT1)	-	4.350.049.207
24	CTY CP xi măng Hà Tiên I:- Thi công lắp đặt thiết bị các HMCT khu chế biến đồng nhất NL thô (35/HT1)	468.142.702	1.285.114.244
25	CTY CP xi măng Hà Tiên I:- Thi công gói thầu số 8: Lắp đặt thiết bị cơ điện (33/HT1)	9.538.538.242	7.450.436.020
26	CTY CP xi măng Hà Tiên I:- Gói 8C- Lắp đặt toàn bộ thiết bị trạm nghiền Phú Hữu (15/HT1)	-	4.682.545.351
27	CTY CP xi măng Hà Tiên I:- Gói 7F- lắp đặt thiết bị các hạng mục Công trình của dây chuyền nghiền, đóng bao (14/HT1)	832.655.780	832.655.780
28	CTY CP xi măng Hà Tiên I:- Cung cấp gia công chế tạo & LDTB cải tạo 2 kho tròn NMXM Bình Phước (11-123)	7.110.640.800	7.110.640.800
29	CTY xi măng Hà Tiên II:- Chuyển đổi hệ thống đốt nhiên liệu từ dầu sang than (06018/HD-XDCB)	4.225.239.002	4.225.239.002
30	Cty SINO PACIFIC :- Gia công cốp pha trụ cột (CECECVN/S.E.A/CR1&2/SUBT 012	-	383.191.628
31	Đan quan ty dự án xi măng Trảng Lớn:- CC, tư vấn và XD trạm điện 220KV - Trạm nghiền Hiệp Phước (08/2006/HDXL)	4.561.043.621	5.061.043.621
32	Torishima (HongKong):- Xây dựng phần LOT3 - NM điện Cà Mau 1 (060906 ngày 29/3/06)	-	1.481.927.118
33	Torishima (HongKong):- Xây dựng phần LOT3 - NM điện Cà Mau 2 (HD ngày 29/5/07)	-	3.049.540.624
34	Torishima (HongKong):- Hệ thống LOT3BOP - nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - 17/7	7.626.468.073	14.315.621.798
35	Công ty CP VT QT Vinashin:- GC, chế tạo, lắp dựng hoàn chỉnh 3 bộ khung KCT cho cầu LIEBHERR (VISC-L18-02)	-	2.271.893.184
36	Công ty cơ khí xây lắp tại petromex (PEINJICO): Gói thầu số 4 kho xăng dầu ngoại quan vận chuyển (HDK1 89/HD-XI 2)	8.443.153.177	6.960.068.272
37	Kocks Krane GmbH:- Gia công và vận chuyển đến công trường cảng Phú Hữu ITC - 73006/007 ngày 09/02/2012	8.242.679.771	-
38	Kocks Krane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp dầm của 2 Container cho Tân Cảng Offshore - Kocks Krane (HD 73008/09 date 21/01/13)	27.638.607.651	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

39	TCT LILAMA:- CC,CT,LĐ KCT lò hơi, turbine&coal bunker quạt thông gió cấp 2 và quạt khói NM điện Vũng Áng 1 (HD 1683/LLM)	11.794.245.450	3.397.373.928
40	TCT LILAMA:- Chế tạo và lắp đặt thiết bị Nhà máy lọc dầu Dung Quất (1095/HDKT-KTKT)	147.121.100	3.147.121.100
41	TCT LILAMA:- Lắp đặt thiết bị phần cơ NM điện Nhơn Trạch (676/HDKT ngày 08/04/2008)	1.099.374.112	1.099.374.112
42	TCT LILAMA:- CC, CT & lắp đặt 2 bồn nước RW5B và RW5C NM điện Vũng Áng 1 (HD1682/LLM)	1.879.049.396	1.879.049.396
43	TCT LILAMA:- Hỗ trợ chi phí biến động giá gói 1+4 & 2+3 Nhà máy lọc dầu Dung Quất (2666/HDKT-KTKT)	-	8.678.586.988
44	TCT LILAMA: - Nhà máy xi măng Sông Gianh (975/HDKT)	66.982.000	66.982.000
45	CTY CP xi măng Hà Tiên 1:- GCCT lắp đặt băng tải 141BC100-nổi dài 500M NMXM Kiên Lương (HĐ 11-046 ngày 20/06/2011)	1.657.078.009	824.267.062
46	XNLD Vietsovpetro:- Sửa chữa giàn PPD 40000 mỏ Bạch Hổ - 0989/12/T-N3	-	2.149.301.400
47	Các khách hàng khác	39.784.566.317	31.395.824.613
	Cộng	227.831.275.173	253.646.447.557

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Phụ lục số 02: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	34.970.665.665	76.114.825.309	13.776.714.022	3.241.855.439	10.508.347.976	138.612.408.411
Số tăng trong kỳ	-	41.184.075.252	9.279.953.907	552.006.455	1.366.350.000	52.382.385.614
- Mua trong năm		16.122.549.273	75.662.000	552.006.455	1.366.350.000	18.116.567.728
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	25.061.525.979	9.204.291.907	-	-	34.265.817.886
Số giảm trong kỳ	-	11.206.187.583	1.733.752.989	1.858.108.700	777.570.273	15.575.619.545
- Chuyển sang Công cụ dụng cụ		8.795.855.041		1.788.108.700	777.570.273	11.361.534.014
- Thanh lý, nhượng bán		2.410.332.542	1.733.752.989	70.000.000		4.214.085.531
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	34.970.665.665	106.092.712.978	21.322.914.940	1.935.753.194	11.097.127.703	175.419.174.480
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	13.254.916.374	50.033.586.867	8.604.954.879	2.289.069.135	4.273.158.714	78.455.685.969
Số tăng trong kỳ	2.799.575.100	29.569.190.285	6.124.678.602	222.561.083	1.289.146.795	40.005.151.865
- Khấu hao trong kỳ	2.799.575.100	6.561.406.370	1.438.394.253	222.561.083	1.289.146.795	12.311.083.601
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		23.007.783.915	4.686.284.349			27.694.068.264
Số giảm trong kỳ	-	6.630.643.337	1.581.295.570	1.294.833.393	529.279.544	10.036.051.844
- Chuyển sang Công cụ dụng cụ		4.220.310.795		1.224.833.393	529.279.544	5.974.423.732
- Thanh lý, nhượng bán		2.410.332.542	1.581.295.570	70.000.000		4.061.628.112
Số dư cuối kỳ	16.054.491.474	72.972.133.815	13.148.337.911	1.216.796.825	5.033.025.965	108.424.785.990
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	21.715.749.291	26.081.238.442	5.171.759.143	952.786.304	6.235.189.262	60.156.722.442
Tại ngày cuối kỳ	18.916.174.191	33.120.579.163	8.174.577.029	718.956.369	6.064.101.738	66.994.388.490

Trong đó:

- Giá trị còn lại của TSCĐ tại 31/12/2013 đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay 19.681.565.662 đồng
- Nguyên giá TSCĐ tại 31/12/2013 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 53.873.036.214 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ 31/12/2013 chờ thanh lý 620.679.500 đồng



Xu

Phụ lục số 03: Người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: đồng

TT	Khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
1	ECMT Euroconsult Ltd:- Bảo trì và tân trang PM2 - Công ty giấy Tân mai (HĐEUROCONSULT/LM18-112 ngày 25/11/11)	1.140.333.000	1.140.333.000
2	Cty TNHH Marubeni - Itochu steel Việt Nam:- Cung cấp vật tư - Misv/HCM13031	1.737.001.835	-
3	Công ty TNHH DANIELI:- Gia công kết cấu thép - 13995027 OL	906.256.000	-
4	Công ty TNHH DANIELI:- Gia công kết cấu thép - 13995030 OL	981.342.960	-
5	Redecam Group (Italia):- Gia công và giao hàng xuất khẩu - 20130327 ngày 29/03/2013	6.855.777.343	-
6	Schade Lagertecnik:- Gia công thiết bị - PO: 950549, PO: 950555 Formosa Hà Tĩnh ngày 18/04/2013	41.184.000.000	-
7	Cty TNHH phân bón QT năm sao Campuchia:- LĐ, chạy thử của 2 dây chuyền sản xuất phân bón NPK - 12.LM18.HDKT-90	2.212.930.435	-
8	Torishima (HongKong):- Hệ thống LOT4 MCW TPP/M- Dự án Vũng áng 1 (137/Torishima, ngày 17/12/09)	28.070.001.546	180.442.175.322
9	Torishima (HongKong):- Phần PS Dự án Vũng áng 1 (PO 11238 ngày 03/11/2011)	5.697.844.312	5.697.844.312
10	Torishima (HongKong):- Phần PS Dự án Vũng áng 1 (PA 12135/09-030)	6.176.121.008	6.176.121.008
11	Cty cổ phần Tân Thành Mỹ:- LĐ thiết bị dây chuyền SX Vôi 2 công suất 100.000Tấn/năm - 70/HD-TTM	1.662.682.400	-
12	Kamadhenu Ventures Ltd:- Lắp đặt TBCK cho nhà nấu và nhà tinh chế - NM đường Cambodia (HĐ KVCL/LM18.HDKT-01 ngày 20/06/11)	10.259.702.427	10.259.702.427
13	Kamadhenu Ventures Ltd:- CCVT, gia công lắp đặt kết cấu thép NM đường Cambodia (HĐ: KVCL/LM18.HDKT-02 ngày 01/08/2011)	12.380.763.046	12.380.763.046
14	Kamadhenu Ventures Ltd:- CCVT, gia công lắp đặt kết cấu thép NM đường Cambodia (HĐ: KVCL/LM18.HDKT-03 ngày 10/09/2011)	4.861.006.305	4.861.006.305
15	Công ty Loesche :- Gia công thiết bị, sơ, đóng kiện và giao hàng cho dự án Maros Clinker - P10829	7.268.870.675	-
16	Cty TNHH interfloor:- Cho thuê nhân công lắp Silô	1.130.285.745	1.130.285.745
17	TCT LILAMA:- CF đền bù, chuyển nhượng mặt bằng nhà Xưởng GC-CK Thủ Đức	4.000.000.000	4.000.000.000
18	TCT LILAMA:- Chế tạo và lắp đặt thiết bị Nhà máy lọc dầu Dung Quất (3342/HĐKT-KTKT)	-	7.351.741.432

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

19	TCT LILAMA:- Thông rửa hóa chất lò hơi, thiết bị dự án Nhà máy điện Vũng áng 1 (HD301211/LILAMA-LILAMA18)	8.673.740.940	32.322.000.000
20	TCT LILAMA:- Cung cấp bảo ôn phần còn lại dự án Nhà máy điện Vũng áng 1 (HD250512/LILAMA-LILAMA18)	-	14.002.204.226
21	TCT LILAMA:- Lắp đặt thiết bị cơ + điện dự án Nhà máy điện Vũng áng 1 (HD: 240512/Lilama-Lilama 18)	5.475.352.000	4.692.320.000
22	ACTGLOCOATING:- Cung cấp vật tư theo Quotation (11.LM18.KTKTngày 19/07/2011)	-	3.594.387.761
23	Công ty CP xi măng Đồng Lâm:- Gia công chế tạo TB phi tiêu chuẩn và lắp đặt toàn bộ TB dây chuyền SX XM Đồng Lâm (HD 01/12)	12.883.034.725	16.574.683.800
24	Công ty CP xi măng Đồng Lâm:- SX và lắp dựng KCT cho tháp trao đổi nhiệt và ống khói chính NMXM Đồng Lâm (HD 03/2012)	-	3.276.027.848
25	Công ty CP xi măng Đồng Lâm:- CCVT, lắp đặt KCT của một số hạng mục XM Đồng Lâm - 42/2013/HĐLĐ	5.632.250.240	-
26	TCT LILAMA:- Chế tạo kết cấu & tổ hợp thiết bị máy đánh đồng & máy phá đồng Formosa Hà Tĩnh - 190313/Lilama	18.497.000.000	-
27	TCT LILAMA:- Lắp đặt ống nổi, ống ngầm, bảo ôn và sơn ống DA Mông Dương 1 (HD 300113/HDKT)	12.227.801.220	-
28	TCT LILAMA:- CCVT, NC sửa chữa thi công bệ Nhụ m y @iỔn Vòng ,ng 1 (HỆ: 031012/LLM, 110912/LLM 240512/BDA)	1.905.550.297	-
29	TCT LILAMA:- LD HT thái xi, KCT nhà Tuabin và khu vực phụ trợ NM điện Mông Dương 2 (HD 270312/LILAMA-LI.18)	2.848.689.238	-
30	RAPAT CORPORATION:- Gia công thiết bị silô NM bột mỳ Interflour (ngày 9/11/2007)	2.601.157.683	2.601.157.683
31	Kocks Krane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp dầm của 2 Container cho Vostochny (HĐ 72015/16 date 22/03/13)	4.407.893.152	-
32	Kocks Krane GmbH:- Gia công và vận chuyển đến công trường cảng Phú Hữu ITC - 73006/007 ngày 09/02/2012	-	10.417.838.600
33	LD Việt- Nga Vietsovpertro:- Chế tạo chân đế giàn BK16 - 1031/13/T-N3	21.596.581.000	-
34	Các khách hàng khác	16.177.457.106	12.442.247.610
	Cộng	249.451.426.638	333.362.840.125

Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.500.000.000	8.076.755.000	3.631.950.841	(284.395.046)	21.121.550.425	3.631.950.841	1.273.309.094	117.951.121.155
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	39.852.532.227	39.852.532.227
Phân phối lợi nhuận	-	-	(14.966.855)	-	(74.834.271)	(14.966.855)	119.734.836	14.966.855
Tăng khác	-	-	-	195.449	-	-	-	195.449
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(284.199.597)	-	-	-	(284.199.597)
Số dư đầu năm nay	80.500.000.000	8.076.755.000	3.616.983.986	-	21.046.716.154	3.616.983.986	41.245.576.157	158.103.015.283
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi năm nay	-	-	-	-	-	-	41.107.790.575	41.107.790.575
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	1.935.865.639	-	11.615.193.832	3.871.731.277	-	17.422.790.748
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	33.369.522.026	33.369.522.026
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	80.500.000.000	8.076.755.000	5.552.849.625	-	32.661.909.986	7.488.715.263	48.983.844.706	183.264.074.580

Ghi chú:

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013:

- Trích quỹ đầu tư phát triển 11.615.193.832 đồng
- Trích quỹ dự phòng tài chính 3.871.731.277 đồng
- Trích vốn khác của CSH 1.935.865.639 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 3.871.731.278 đồng
- Chia cổ tức 12.075.000.000

Cộng

33.369.522.026

